

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đoàn Thị Hương Lan
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG – 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đoàn Thị Hương Lan
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đoàn Thị Hương Lan

Mã SV: 1312401167

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

✓ Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu, tài liệu phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2016 tại Công ty Cổ phần Chương Trình.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Chương Trình.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 5 tháng 4 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đoàn Thị Hương Lan

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Sinh viên Đoàn Thị Hương Lan, lớp QT1701K trong quá trình làm khóa luận thực hiện tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết.

- Đồng thời, sinh viên Lan rất chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu các nội dung về mặt lý thuyết cũng như thực tế các vấn đề liên quan đến đề tài của khóa luận do đó bài viết số liệu khá phong phú và logic.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Chương 1: Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Mô tả khá chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Chương Trình. Số liệu được khảo sát năm 2016 khá phong phú.

Chương 3: Đưa ra được ưu nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trên cơ sở đó đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Chương Trình

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....*điểm*.....

Hải Phòng, ngày 05 tháng 07 năm 2017
Cán bộ hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC	2
1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	2
1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	4
1.1.3.1. Doanh thu	4
1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.1.3.3. Chi phí.....	8
1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC.....	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	10
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	10
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	10
1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán	13
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán	13
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa.	14
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	16
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh	16

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh	17
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	17
1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	17
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	19
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	20
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	20
1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác.....	20
1.2.6.2. Kế toán chi phí khác.....	22
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán thu nhập khác và chi phí khác...	22
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh	23
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
1.2.8. Các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp	25
1.2.8.1. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký chung	25
1.2.8.2. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký - Sổ cái	26
1.2.8.3. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Chứng từ ghi sổ	27
1.2.8.4. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính	28
1.3. Một số khác biệt giữa Quyết định 48/2006/QĐ-BTC và Thông tư 133/TT-BTC	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH.....	31
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Chương Trình.....	31
2.1.1. Thông tin của Công ty Cổ phần Chương Trình	31
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Chương Trình..	31
2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần Chương Trình.....	32
2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Chương Trình ...	32
2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	34
2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	35

2.2.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty.....	35
2.2.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách của Công ty Cổ phần Chương Trình	36
2.2.2.1. Hình thức ghi sổ tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	36
2.2.2.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình....	36
2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	37
2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	37
2.3.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	37
2.3.1.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	37
2.3.1.3. Sổ sách sử dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình	37
2.3.1.4. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37
2.3.1.5. Ví dụ minh họa.....	38
2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Chương Trình	43
2.3.2.1. Chứng từ sử dụng tại công ty	43
2.3.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty	43
2.3.2.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.....	43
2.3.2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty	43
2.3.2.5. Ví dụ minh họa.....	43
2.3.3. Kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	50
2.3.3.1. Chứng từ sử dụng tại công ty	50
2.3.3.2. Tài khoản sử dụng tại công ty	50
2.3.3.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.....	50
2.3.3.4. Quy trình hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại công ty	50
2.3.3.5. Ví dụ minh họa.....	51
2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	56
2.3.4.1. Chứng từ sử dụng tại công ty	56
2.3.4.2. Tài khoản sử dụng tại công ty	56
2.3.4.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.....	56
2.3.4.4. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty.....	56
2.3.4.5. Ví dụ minh họa.....	56
2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình	60
2.3.5.1. Chứng từ sử dụng tại công ty	60
2.3.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty	60

2.3.5.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.....	60
2.3.5.4. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty	60
2.3.5.5. Ví dụ minh họa.....	60
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH	69
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	70
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.....	71
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	71
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	71
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	72
3.2.3.1. Ý kiến 1: Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.....	72
3.2.3.2. Ý kiến 2: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.....	78
KẾT LUẬN	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	82

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng hợp lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Nhờ vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Chương Trình, được sự giúp đỡ của ban giám đốc, các cán bộ phòng Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn TH.S.Trần Thị Thanh Thảo, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình”***.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên khóa luận chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để hoàn thiện hơn bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ **Đối với doanh nghiệp:**

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

➤ **Đối với nhà nước:**

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước có thể tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua các chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản phụ cấp, trợ cấp, trợ giá.

➤ **Đối với nhà đầu tư:**

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích,

đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:**

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ **Đối với nhà cung cấp:**

Kết quả kinh doanh và lịch sử thanh toán là căn cứ để đưa ra các quyết định về việc cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ **Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng giá trị hàng hóa bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

➤ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí, từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Doanh thu

a) Một số khái niệm về doanh thu

- Doanh thu bán hàng là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng

bán, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi gồm tiền lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ... thu nhập cho thuê tài sản, cổ tức, lợi tức được chia, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ...

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và cho thuê lại tài sản.
- + Thu tiền được phát do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b) Thời điểm ghi nhận doanh thu

➤ Ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+ Doanh nghiệp vẫn còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều kiện bảo hành thông thường.

+ Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.

+ Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

+ Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do gì đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

➤ Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Cung cấp dịch vụ: Nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 3 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Tiền lãi: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...

- Tiền bản quyền: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - + Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chiết khấu thương mại:** Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp

bán giảm giá giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- **Giảm giá hàng bán:** Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc toàn phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng

hàng bán đã được xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo**

phương pháp trực tiếp:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay

biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu thụ. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

*** Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.**

$$\begin{array}{rcccl} \text{Doanh thu} & & \text{Doanh thu bán hàng} & & \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{thuần} & = & \text{và cung cấp dịch vụ} & - & \text{doanh thu} \end{array}$$

1.1.3.3. Chi phí

Chi phí nói chung là một loại hao phí được thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: Doanh thu và lợi nhuận.

a) Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b) Chi phí quản lý kinh doanh

➤ Chi phí bán hàng.

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí nạo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Thuế, phí và lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

c) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển khoản chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

d) Chi phí khác

Chi phí khác gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động

của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí thuê hoạt động,...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

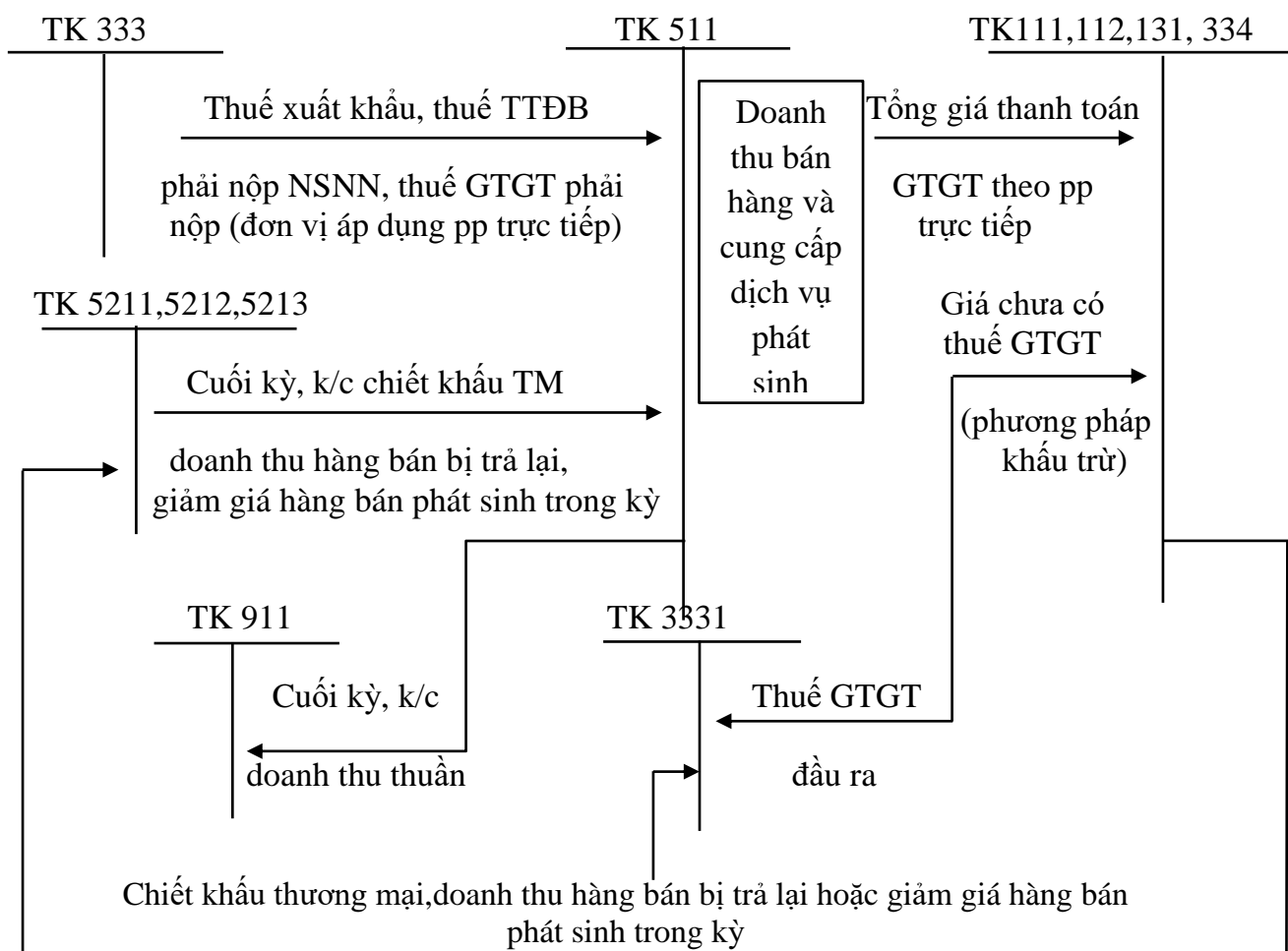
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

➤ *Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ 1.1 sau:



Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ TK 5211: Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua. Khách hàng sẽ được hưởng khoản chiết khấu thương mại khi họ đã mua hàng hoá, sản phẩm hoặc dịch vụ với số lượng lớn hoặc theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại đã được ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

➤ TK 5212: Hàng bán bị trả lại

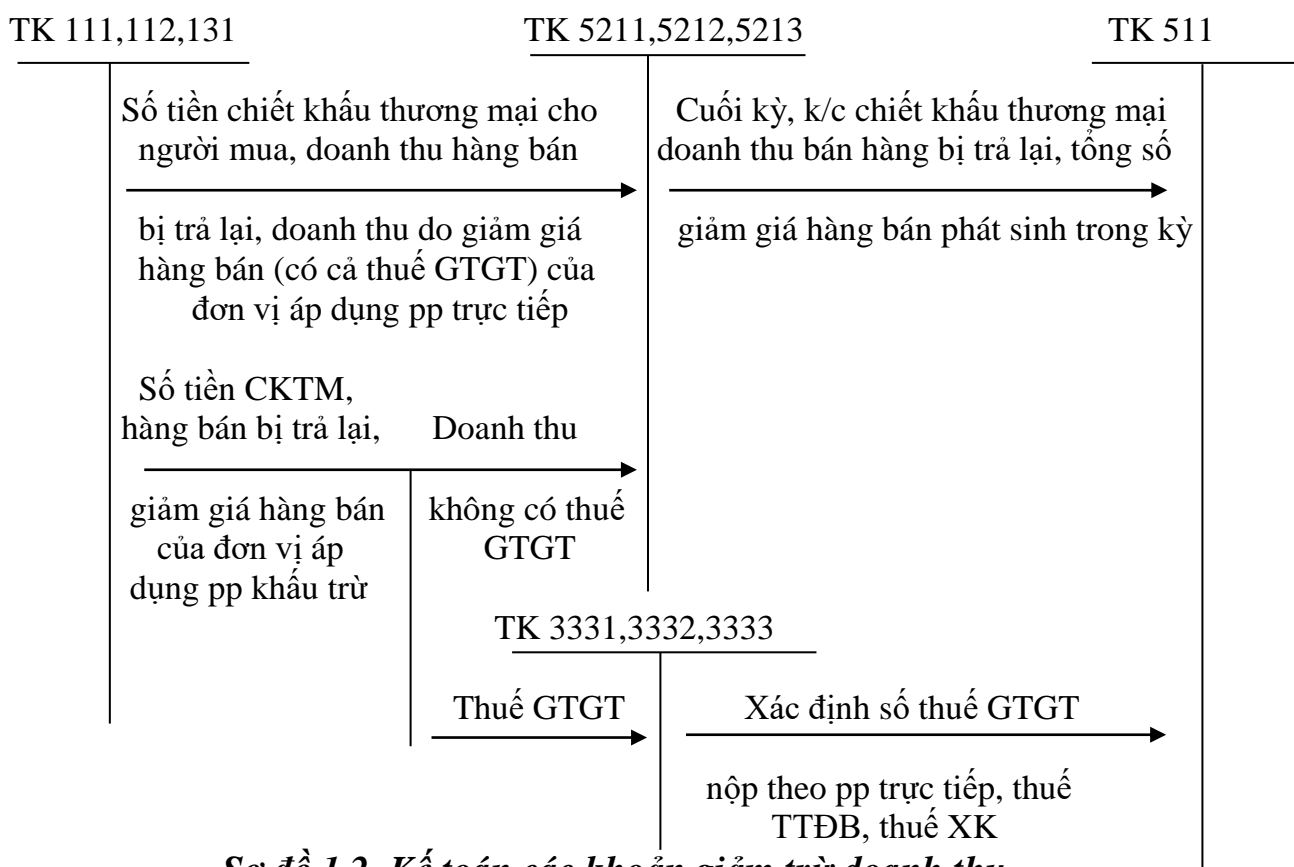
Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại trong kỳ. Đơn giá của hàng bán bị trả lại được tính đúng bằng đơn giá ghi trên hóa đơn bán hàng. Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại sẽ được tính vào TK 6421 - “Chi phí bán hàng”.

➤ *TK 5213: Giảm giá hàng bán*

Tài khoản 5213 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ. Tài khoản này chỉ được dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng hóa kém phẩm chất...

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2 dưới đây:



Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán

Sử dụng TK 632 - “Giá vốn hàng bán” để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất, chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư trong kỳ.

Có bốn phương pháp để tính giá vốn hàng xuất kho:

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần nhập.

✓ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

✓ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*

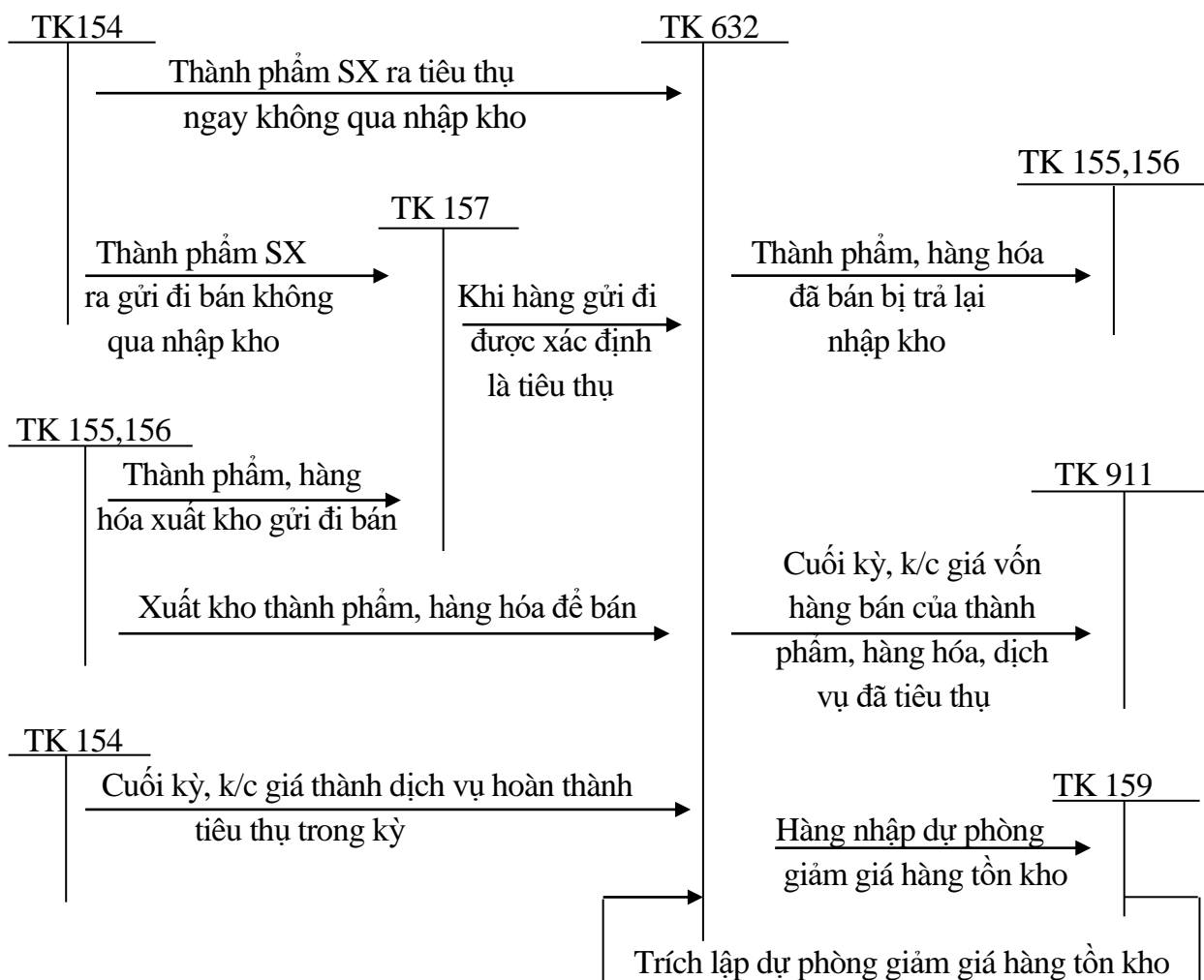
Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

✓ *Phương pháp thực tế đích danh*

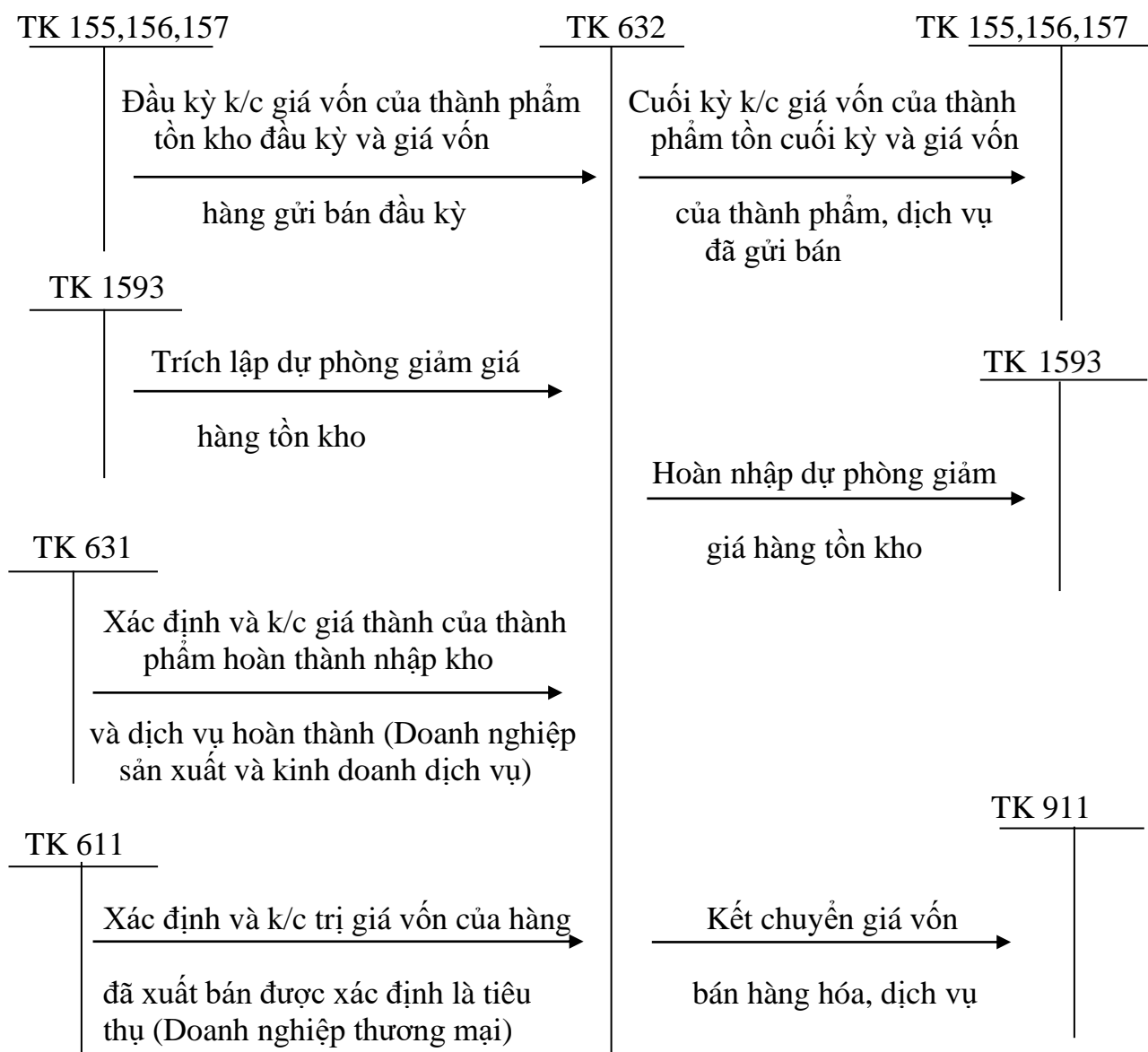
Theo phương pháp này, giá trị vốn hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khá quát bằng sơ đồ 1.3 và 1.4 dưới đây:



Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.4. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán.
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

TK 642 có 2 tài khoản cấp 2:

➤ TK 6421: Chi phí bán hàng

TK này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. TK 6421 có kết cấu:

✓ Bên Nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

✓ Bên Có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí hàng bán vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ TK 6421 không có số dư cuối kỳ.

➤ *TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán. Tài khoản 6422 có kết cấu:

✓ Bên Nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

✓ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ TK 6422 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được hạch toán bằng sơ đồ 1.5.

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

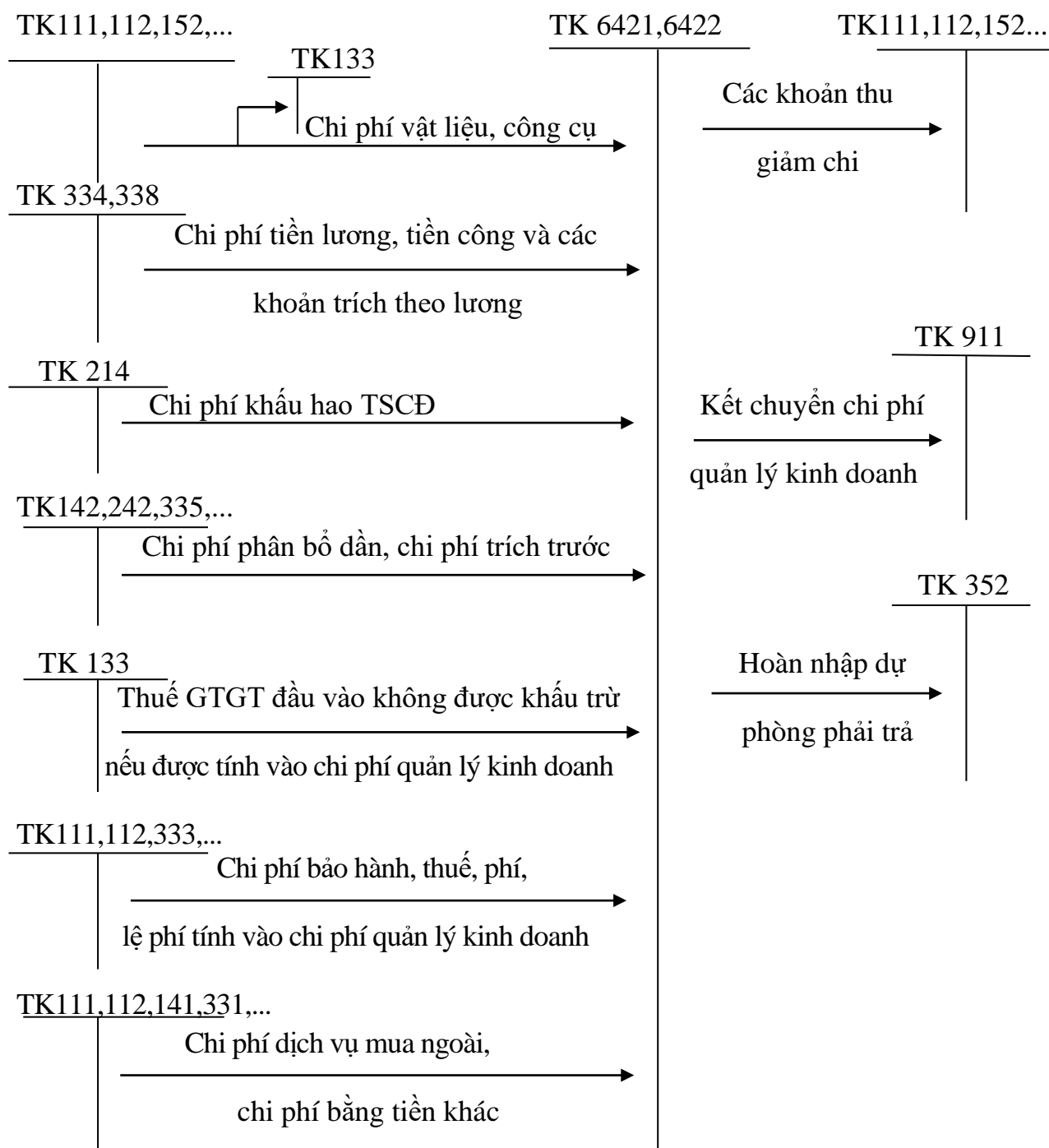
a) Chứng từ sử dụng kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Phiếu chi.

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.

- Phiếu kế toán.

- Các chứng từ khác có liên quan.



Sơ đồ 1.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

b) Tài khoản sử dụng kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ phản ánh:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có phản ánh:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Tiền lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.

- Lãi tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✓ TK 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Phiếu chi

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng

- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng kế toán chi phí hoạt động tài chính

➤ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

✓ Bên Nợ phản ánh:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.

- Lỗ bán ngoại tệ.

- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.

- Lỗ tỷ giá hối đoái do phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

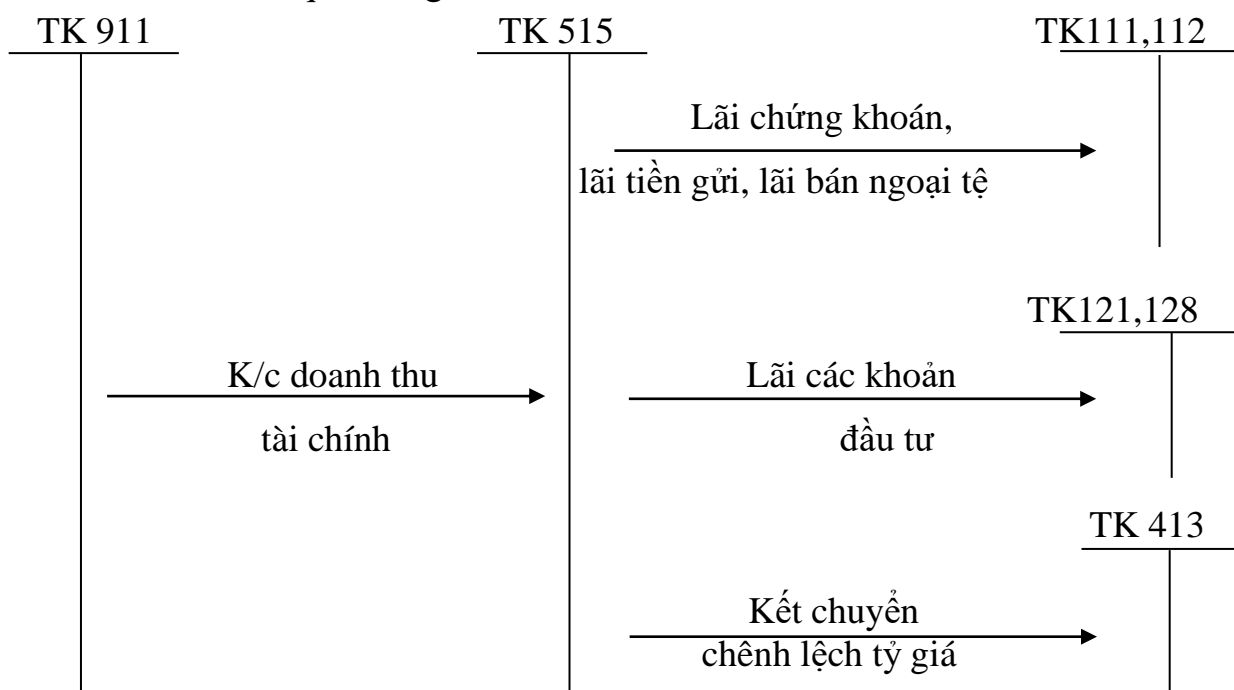
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
 - ✓ Bên Có phản ánh:
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - ✓ TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6 và sơ đồ 1.7.



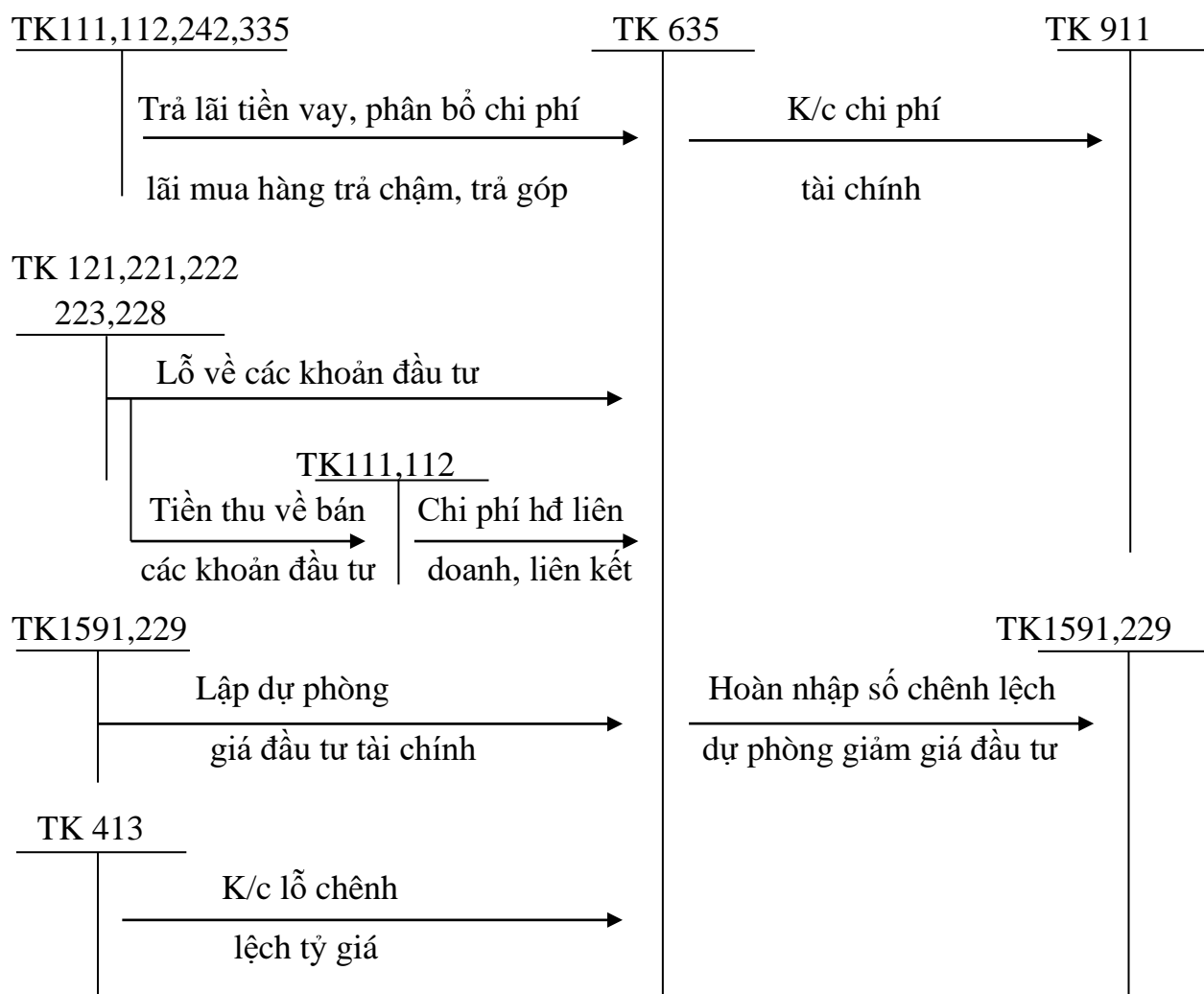
Sơ đồ 1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

a) Chứng từ sử dụng kế toán thu nhập khác

- Phiếu thu.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan



Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

b) Tài khoản sử dụng trong kế toán thu nhập khác

➤ TK 711:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ phản ánh:

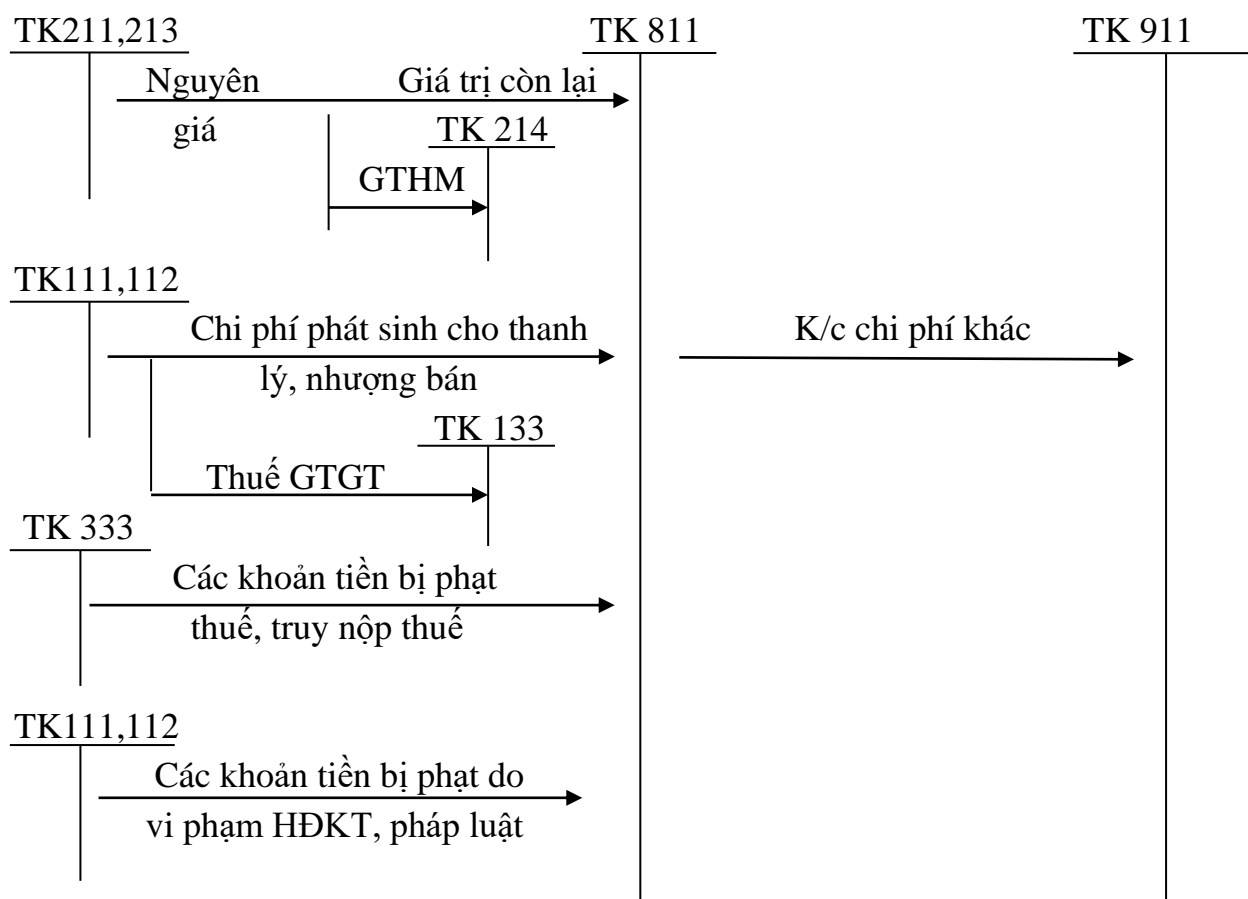
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có phản ánh:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ TK 711 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.9. Kế toán chi phí khác

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Phiếu kế toán.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ **Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ **Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ phản ánh:

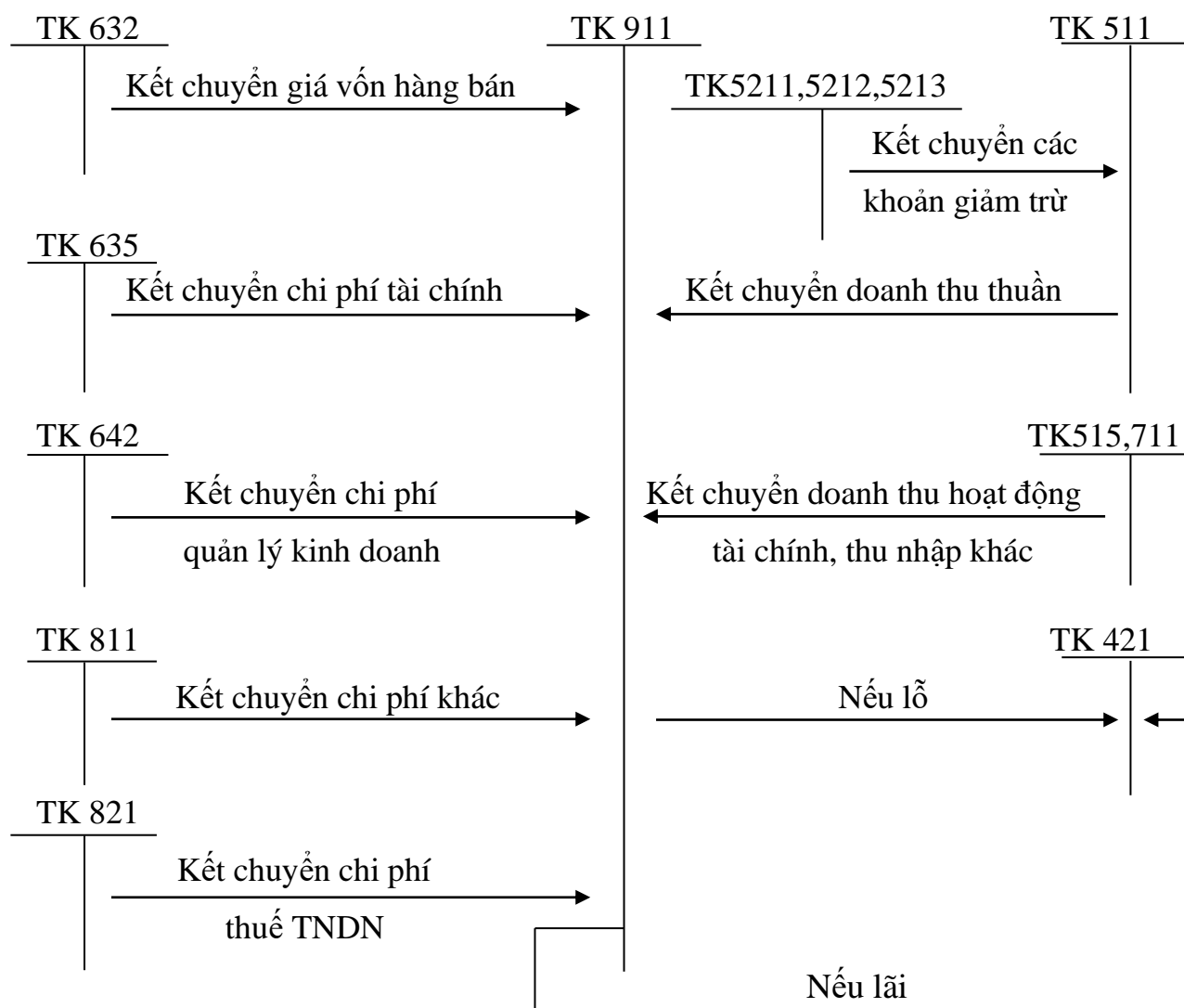
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✓ Bên Có phản ánh:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- ✓ Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý được.
- ✓ Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.10.



Sơ đồ 1.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.8. Các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp

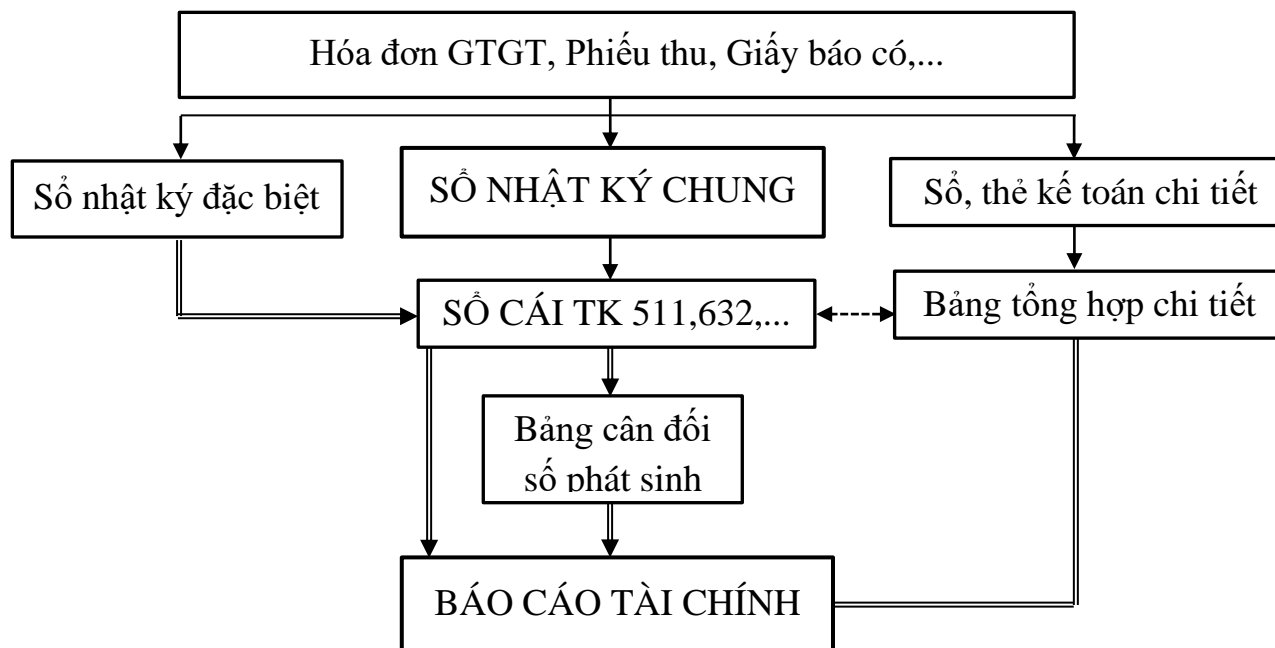
Các hình thức ghi sổ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 gồm 4 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.2.8.1. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký chung

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



Ghi chú:

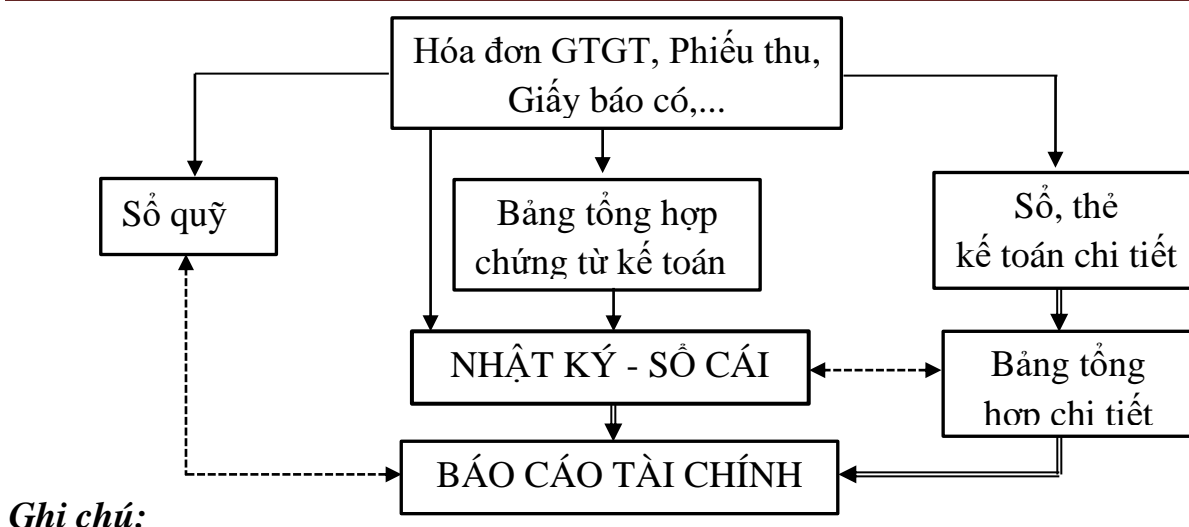
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Ghi hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

1.2.8.2. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái.

Cuối tháng, căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái (Sơ đồ 1.12).



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

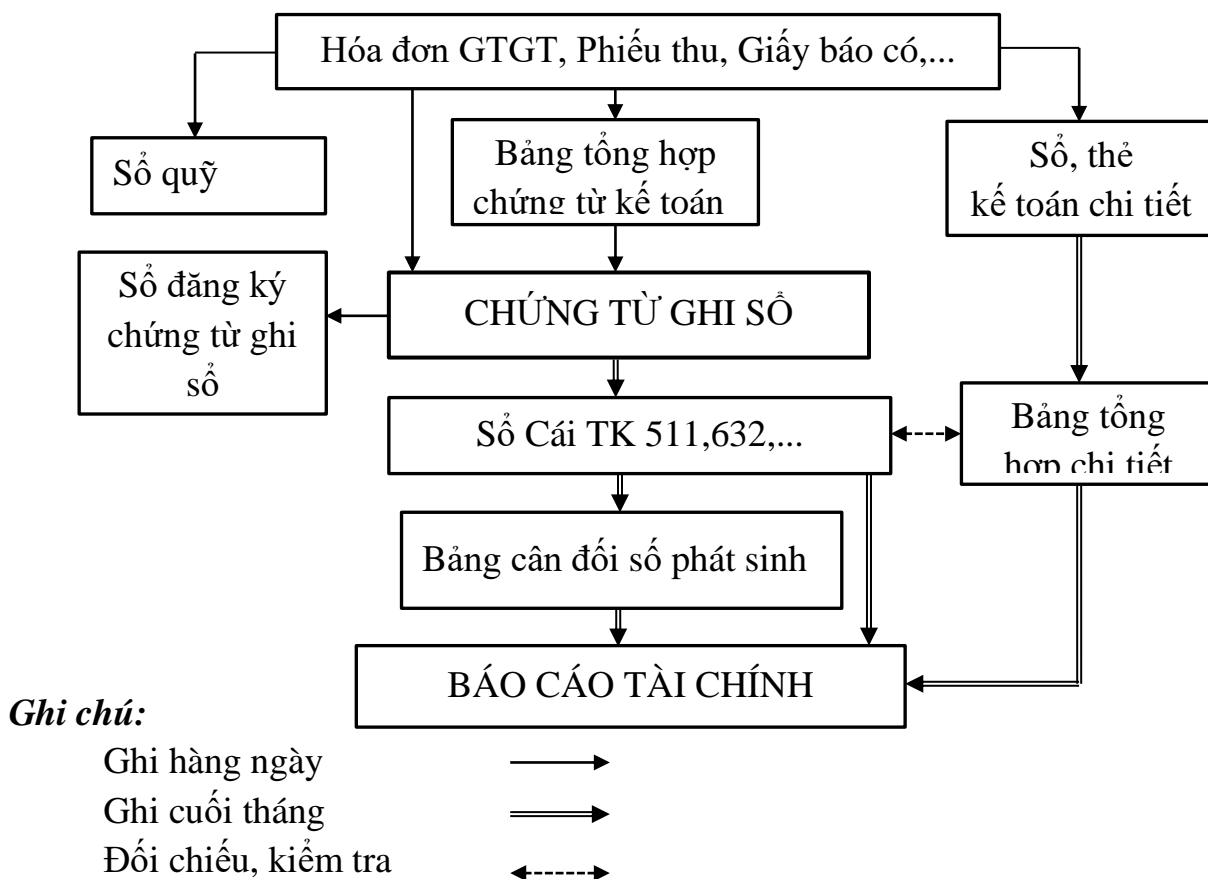
Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

1.2.8.3. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh (Sơ đồ 1.13)

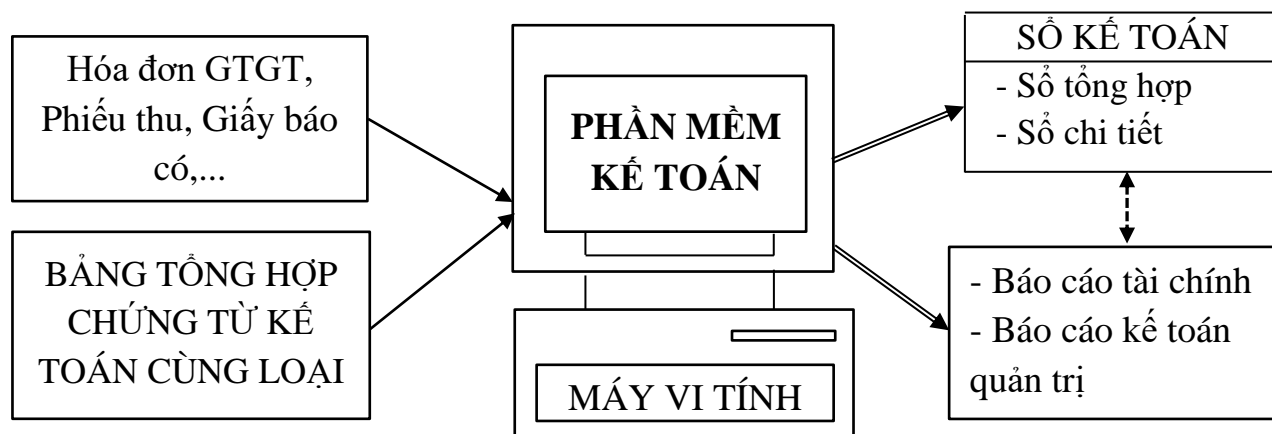


Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

1.2.8.4. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay (Sơ đồ 1.14)



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.->

Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3. Một số khác biệt giữa Quyết định 48/2006/QĐ-BTC và Thông tư 133/TT-BTC

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 133/TT-BTC, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (thay thế Quyết định 48/2006/BTC ban hành ngày 14/09/2006) có hiệu lực từ 01/01/2017.

➤ Về đơn vị tiền tệ áp dụng trong doanh nghiệp: Ngoài VND, Thông tư 133 sử dụng một ngoại tệ để ghi sổ.

➤ Tài khoản:

- Bỏ tài khoản: TK1113,1123; TK142; TK171; TK221; TK244; TK311; TK 351; TK315.

- Sửa tài khoản:

TK121: Đầu tư tài chính ngắn hạn -> Chứng khoán kinh doanh. TK 121 có thêm 2 tài khoản cấp 2: TK1211, TK 1212

TK242: Chi phí trả trước dài hạn -> Chi phí trả trước

TK341: Vay nợ dài hạn -> Vay và nợ cho thuê tài chính (TK3411, 3412).

- Thêm tài khoản: TK128 (TK1281, TK1288), TK136 (TK1361,

TK1368), TK1386, TK151, TK343, TK 344, TK336, thêm TK cấp 2 cho TK 352 (TK3521, 3522, 3523, 3524).

- Thay thế TK 159: Các khoản dự phòng bằng TK229: Dự phòng tổn thất tài sản.

- Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản: nếu QĐ 48 quy định chi tiết

các bút toán định khoản thì TT 133 chỉ quy định nguyên tắc kế toán và không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ.

- Báo cáo tài chính: QĐ 48 quy định rõ biểu mẫu BCTC và doanh nghiệp

phải áp dụng trong khi TT 133 doanh nghiệp được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt theo ngắn hạn

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Chương Trình

2.1.1. Thông tin của Công ty Cổ phần Chương Trình

Công ty CP Chương Trình là doanh nghiệp được chính thức thành lập vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp ngày 27/5/2008.

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ Phần Chương Trình
- Tên giao dịch: Công ty Cổ Phần Chương Trình
- Địa điểm giao dịch: Hiện nay chuyển thành 225 - Đường Lê Lợi - Phường Quảng Yên - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh
- Tel: (033)3875332 Fax : (033)3875332
- Mã số thuế: 5700860698
- Số đăng ký kinh doanh: 2203001413
- Tổng vốn điều lệ: 1.700.000.000VND (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng Việt Nam*) (Tính từ ngày 31/1/2009).

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Chương Trình

Công ty CP Chương Trình là doanh nghiệp được chính thức thành lập vào năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp ngày 27/5/2008.

Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty đã gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, tập thể cán bộ công nhân viên đã không ngừng nỗ lực vượt qua những trở ngại không lường để đạt được một số thành công nhất định như ngày hôm nay.

Công ty đã thực hiện vận chuyển cho nhiều công trình xây dựng có quy mô lớn của Nhà nước. Công ty luôn chủ động trong việc áp dụng những công nghệ hiện đại, cùng với đội ngũ nhân viên lành nghề và máy móc, trang thiết bị tiên tiến. Trong những năm qua, nhiều công trình xây dựng do Công ty cung cấp dịch vụ được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng cũng như kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ.

Trong nền kinh tế khó khăn hiện nay, công ty đang dần cố gắng khắc phục những khuyết điểm mà bản thân công ty thấy thiếu sót và chưa đạt được; cùng với sự thay đổi là những nỗ lực hoàn thiện công tác tổ chức quản lý và đặc biệt chú trọng trong việc tuyển chọn, đào tạo các nhân viên lành nghề, có kỹ thuật và trình độ chuyên môn cao. Nâng cao khả năng về vốn hơn nữa để có khả năng đáp ứng nhiều công trình.

2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần Chương Trình

Công ty được thành lập trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ xây dựng, bao gồm: sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, khí đốt; vận tải hàng hóa công cộng thủy bộ; san lấp mặt bằng; cho thuê máy móc thiết bị.

Công ty CP Chương Trình đã được cấp giấy chứng nhận kinh doanh với những ngành nghề sau:

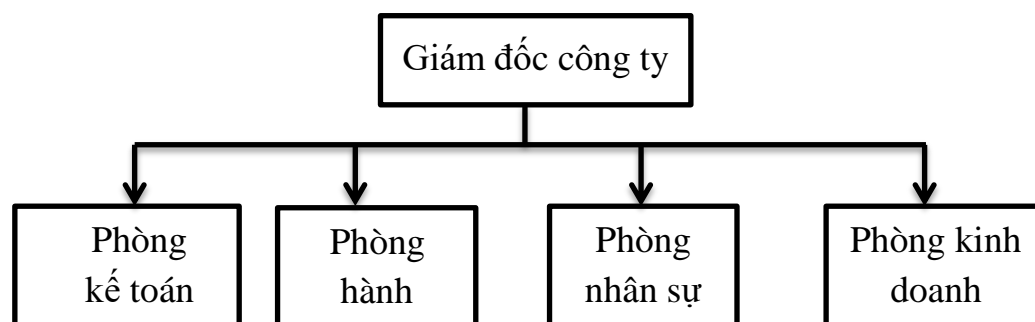
- Chuyên nhập và cung cấp vật tư xây dựng, chất đốt.
- Vận tải hàng hóa công cộng thủy bộ.
- San lấp mặt bằng.
- Cho thuê máy móc thiết bị.

Trong đó lĩnh vực đem lại doanh thu chính của công ty là nhập, cung cấp vật tư xây dựng.

Hiện nay công ty đang phân phối rộng rãi tới mọi gia đình, cửa hàng, công trình và một số khu vực trên miền Bắc. Trong vài năm gần đây, công ty đã và đang phấn đấu để đạt được những kế hoạch và mục tiêu đặt ra. Tiêu biểu là một số công trình lớn đòi hỏi sự công nghệ và tiềm lực tốt như các công trình quốc gia: xây dựng những tuyến đường quốc lộ mở rộng, công trình thủy đập, ke bờ cho dân chúng. Ngày càng, công ty càng dành được nhiều sự uy tín từ người dân và những công trình khác, vì vậy đây sẽ dần trở thành điểm mạnh cho công ty trong việc kinh doanh với nền kinh tế hiện nay.

2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Chương Trình

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo kiểu Trực tuyến - tham mưu. Giám đốc công ty trực tiếp điều hành các phòng ban Tài chính - Kế toán, Kế hoạch và Tổ chức hành chính.



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức bộ máy quản lý của công ty

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN

+ **Giám đốc:** Là người có pháp nhân hợp pháp về pháp lý nhà nước, là người lãnh đạo trực tiếp mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Sắp xếp bổ nhiệm các thành viên vào các vị trí phù hợp theo nhu cầu thực hiện từng giai đoạn, công việc. Chịu trách nhiệm tài chính, hạch toán, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Định hướng chiến lược và từng bước thực hiện xây dựng Công ty ổn định, phát triển lâu dài.

+ **Phòng kế toán:** Quản lý vốn, đảm bảo đủ vốn cho phòng kinh doanh, quản lý các phương thức sử dụng vốn có hiệu quả và tạo điều kiện hỗ trợ cho phòng kinh doanh hoạt động có hiệu quả. Có nhiệm vụ là giúp ban giám đốc chỉ đạo về các nghiệp vụ của công tác tài chính kế toán như sau:

- Thực hiện việc kế toán, thống kê, và các hoạt động nhằm quản lý tiền, hàng.
- Chỉ đạo quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo nguồn vốn phục vụ cho công tác kinh doanh.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của bộ tài chính, thay mặt công ty giải quyết các nghĩa vụ, trách nhiệm với nhà nước, phối hợp với các phòng ban trong công ty để làm tốt công việc kinh doanh của công ty.

+ **Phòng hành chính:** Là phòng chịu trách nhiệm thực hiện các công việc hành chính của công ty, là trung tâm liên lạc thông tin của cả công ty, có nhiệm vụ bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động kinh doanh của các phòng ban, tham mưu cho ban giám đốc về quản lý, sắp xếp và điều chuyển nhân sự, thực hiện chi trả cho các khách hàng và phân phối tiền lương cho cán bộ nhân viên trong công ty. Phòng hành chính có vai trò quan trọng trong việc tạo hình ảnh của công ty trong mắt khách hàng do có nhiệm vụ giao tiếp với khách hàng.

Ngoài các chức năng đã được tổ chức thành các phòng ban riêng, các chức năng khác của công ty được phân bổ một cách hợp lý vào các phòng ban, đồng thời có sự phối hợp thực hiện chức năng, những công việc quan trọng được giám đốc trực tiếp quyết định hoặc ủy quyền quyết định. Sự điều chỉnh này phù hợp với quy mô nhỏ của công ty và đặc trưng của các công ty thương mại. Với cách tổ chức này, công ty có thể tinh giảm tối đa bộ máy nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu công việc.

+ **Phòng nhân sự:** Là một trong những phòng ban điều chỉnh nhân sự trong công ty, là nơi tiếp nhận các hồ sơ của nhân viên và những người tuyển vào làm, cũng là nơi đào tạo những nhân viên mới với những công việc cụ thể và kỹ năng cần có trong công việc của mình. Bộ phận phòng ban này sẽ giúp cho giám đốc quyết định hoặc ủy quyền quyết định, lựa chọn và tuyển dụng những người có năng lực và phù hợp nhất với công việc cần giao. Đồng thời phòng ban cũng phối hợp với những phòng ban khác về những kỹ năng cần có trong công việc hàng ngày và huấn luyện, chỉ đạo cho những nhân viên được biết để hoàn thành công việc một cách tốt nhất và hiệu quả nhất.

+ **Phòng kinh doanh:** Có nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo công tác kinh doanh của công ty, xây dựng kế hoạch kinh doanh đáp ứng yêu cầu hoạt động của công ty, kí kết các hợp đồng với khách hàng. Có nhiệm vụ lập kế hoạch vật tư thiết bị, theo dõi và hướng dẫn lái xe thực hiện công việc và các quy định của công ty.

2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn tại Công ty Cổ phần Chương Trình

*** Về thuận lợi:**

- Đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, là những nhân viên trẻ và chăm chỉ.
- Nhập các nguyên liệu, hàng hóa đảm bảo chất lượng tốt .
- Những đối tác của công ty đều là những doanh nghiệp, những cá nhân có uy tín.
- Luôn giao hàng đúng hạn và tận tình với khách hàng.

*** Về khó khăn:**

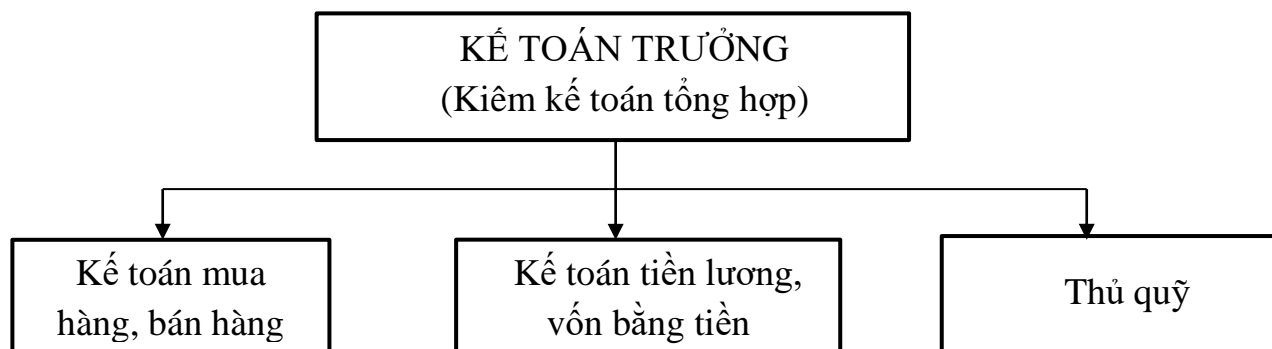
- Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, quan tâm, tạo điều kiện của các ban ngành địa phương. Tuy nhiên, Công ty cũng phải đương đầu với những khó khăn của thời kỳ cơ chế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần kinh tế, đó là những vấn đề không thể tránh khỏi của Công ty trong lĩnh vực chiếm lĩnh thị trường và cạnh tranh.

2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Chương Trình

2.2.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty

Phòng Tài chính - kế toán là trung tâm cung cấp thông tin về sự vận động của tài sản, các thông tin về hiệu quả kinh doanh của công ty, cũng như hiệu quả sử dụng vốn. Đây là căn cứ giúp cho ban lãnh đạo giải quyết kịp thời, đúng đắn để kinh doanh có hiệu quả.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty theo mô hình kế toán tập trung.



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán tại Công ty Cổ phần Chương Trình
Với công tác nhiệm vụ cụ thể như sau:

Kế toán trưởng: Kiêm kế toán tổng hợp và tham mưu cho Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh. Kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh, phân tích kết quả kinh doanh để giúp ban giám đốc ra quyết định và có biện pháp đúng đắn trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời, kế toán trưởng còn phụ trách quyết toán thuế, tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kế toán mua hàng, bán hàng: Phụ trách tình hình nhập kho, xuất kho, tồn kho, tình hình sử dụng công cụ dụng cụ, thực hiện báo cáo kịp thời. Theo dõi tình hình bán hàng hóa, đồng thời theo dõi công nợ phải thu của khách hàng trên tài TK 131.

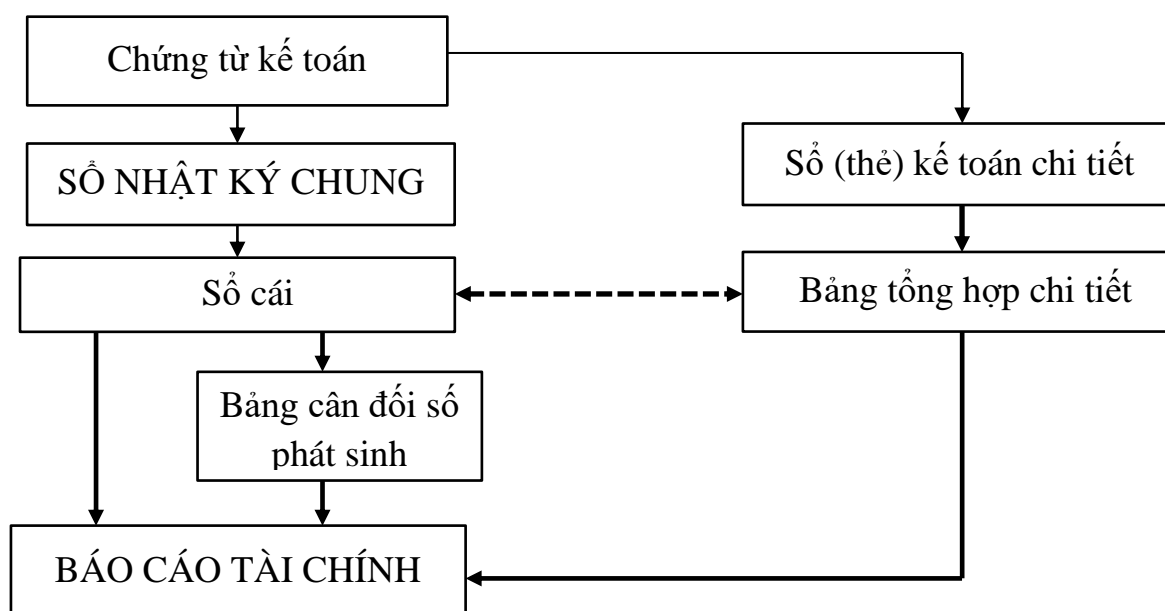
Kế toán tiền lương, vốn bằng tiền: Thực hiện kế toán tiền lương, quản lý quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, thực hiện chi trả lương thưởng cho nhân viên, lao động trong Công ty. Lập báo cáo thu chi hàng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của giám đốc.

Thủ quỹ: Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

2.2.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách của Công ty Cổ phần Chương Trình

2.2.2.1. Hình thức ghi sổ tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn chứng từ, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế để ghi vào sổ cái từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, từ đó lập các sổ khác có liên quan. Cuối tháng, phải khóa sổ để tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, tính ra tổng số tiền bên nợ, tổng số tiền bên có của các tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái, lập các sổ chi tiết và tổng hợp, từ đó lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu khớp đúng trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính (Sơ đồ 2.3)



Ghi chú: Ghi ngày tháng —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ —————→
 Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2.2.2.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC được ban hành vào ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Phương pháp tính giá xuất công cụ, hàng hóa: Theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Kế toán chi tiết hàng tồn kho: Theo phương pháp thẻ song song.

- Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đều.

2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.3.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình

- Hóa đơn GTGT: Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hóa đơn GTGT thành 3 liên:

+ Liên 1 (màu tím): liên gốc lưu lại quyền hóa đơn.

+ Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.

+ Liên 3 (màu xanh): lưu chuyển nội bộ và ghi sổ kế toán.

- Phiếu thu.

- Giấy báo có của ngân hàng.

- Các chứng từ có liên quan khác.

2.3.1.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Tài khoản được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.3.1.3. Sổ sách sử dụng tại Công ty Cổ phần Chương Trình

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 511

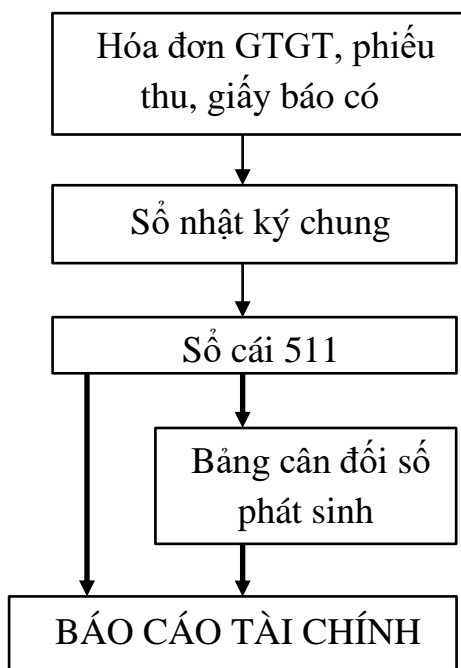
2.3.1.4. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Đối với hoạt động bán hàng: Căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lý kho viết phiếu xuất kho rồi gửi lên phòng kế toán làm căn cứ viết hóa đơn GTGT.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và giấy báo có, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 511.

Cuối năm, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Chương Trình được mô tả qua sơ đồ 2.4.



Ghi chú: Ghi ngày tháng →
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →
Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

2.3.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 11/11/2016, Công ty bán 18 m³ cát nền, 16m³ bê tông và 29 m³ đá 1x2 với đơn giá là 150.000đ/m³, 410.000đ/m³, 210.000đ/m³ cho Công ty TNHH một thành viên Kim Phong theo hóa đơn GTGT số 0000118. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu 2.1), phiếu thu (Biểu 2.2), kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.3), Sổ cái TK 511 (Biểu 2.4).

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT số 0000118

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001 Liên 3: Nội bộ Ký hiệu: AA/11P Ngày 11 tháng 11 năm 2016 Số: 0000118					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH Mã số thuế: 5700860698 Địa chỉ: Số 225 Lê Lợi - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh Điện thoại: 0333.3875332 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Tiến Luật Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Kim Phong Mã số thuế: 5701737513 Địa chỉ: Số 244 Tầng 2 Trần Khánh Dư - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cát nền	m ³	18	150.000	2.700.000
2	Cát bê tông	m ³	16	410.000	6.560.000
3	Đá 1x2	m ³	29	210.000	6.090.000
Cộng tiền hàng					15.350.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					1.535.000
Tổng cộng tiền thanh toán					16.885.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.2. Phiếu thu số 35

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH **Mẫu số:** 01 -TT
Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 11 năm 2016

Quyền số:

Số: 54

Nợ: 111

Có: 511

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền:..... Nguyễn Tiến Luật.....

Địa chỉ:Công ty CP Chương Trình.....

Lý do nộp:Thu tiền bán hàng HĐ số 0000118.....

Số tiền:16.885.000 (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồngKèm theo:.....Chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 11 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐTGTGT Số 0000118.....

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.3. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
06/11	PC126	06/11	Dịch vụ viễn thông tháng 10	6422	338.681	
				1331	33868	
				111		372549
...
11/11	PT054	11/11	Thu tiền bán cát theo HĐ 0000118	111	16.885.000	
				511		15.350.000
				3331		1.535.000
...
18/11	HĐ 0000122	18/11	Doanh thu bán đá 1x2, cát trung hà, cát sông Hồng, cát bê tông	131		60.830.000
				511		55.300.000
				3331		5.530.000
...
18/11	XK087	18/11	Giá vốn bán cát, đá	632	52.731.214	
				156		52.731.214
...
27/11	UNC024	27/11	Phí SMS	6422	55.000	
				1121		55.000
...
			Cộng phát sinh		56.234.988.668	56.234.988.668

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.4. Sổ cái TK 511

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
11/11	PT055	11/11	Thu tiền bán cát theo HĐ 0000118	111		15.350.000
...
18/11	HĐ 0000122	18/11	Doanh thu bán đá 1x2, cát trung hà, cát sông Hồng, cát bê tông	131		60.380.000
...
21/11	HĐ 0000124	27/11	Doanh thu bán đá 1x2, cát trung hà, cát sông Hồng, cát bê tông	131		54.550.000
...
27/11	PT064	27/11	Doanh thu bán cát vàng, cát xây trát, đá 1x2, đá 4x6	111		14.400.000
...
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển DTBH	911	6.251.841.514	
			Số phát sinh năm		6.251.841.514	6.251.841.514
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Hiện tại, để tính giá hàng xuất kho, công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

2.3.2.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu xuất kho: Phiếu xuất kho do bộ phận kho lập thành 3 liên. Sau khi lập phiếu xong, người lập phiếu và kế toán trưởng ký và chuyển cho Giám đốc duyệt, rồi giao cho người nhận phiếu xuống kho nhận hàng.

Sau khi xuất kho thủ quỹ ghi rõ ngày, tháng, năm xuất kho, cùng người nhận hàng ký và ghi rõ họ tên vào phiếu.

Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu.

Liên 2: Thủ quỹ giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán để ghi vào sổ kế toán.

Liên 3: Giao cho người nhận hàng.

2.3.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

- Kế toán sử dụng tài khoản 632 để hạch toán giá vốn hàng bán.

2.3.2.3. Sổ sách sử dụng tại công ty

- Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

2.3.2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty

Theo phương pháp bình quân liên hoàn, trị giá thực tế hàng xuất kho được tính bằng cách:

Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất để tính trị giá xuất:

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{kh}} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập}$$

2.3.2.5. Ví dụ minh họa

Tiếp ví dụ 1 trang 36.

* Cách tính giá xuất kho của Cát nền (Biểu 2.5):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

* Đơn giá xuất Cát nền ngày 11/11:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{4.970.000}{35} = 142.000$$

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Chương Trình:
Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.8), kế toán vào sổ chi tiết, sổ tổng hợp các tài khoản (Biểu 2.6) (Biểu 2.7). Sổ nhật ký chung (Biểu 2.9), Sổ cái TK 632 (Biểu 2.10), và các sổ sách khác có liên quan.

Biểu 2.6. Sổ chi tiết vật liệu, CCDC

Đơn vị: CTY CP CHƯƠNG TRÌNH
Địa chỉ: 225 Lê Lợi - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên

Mẫu số S07 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DC

Năm 2016

TK: 156 Tên kho:....

Tên nguyên vật liệu: Cát nền

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ		102.919					945	96.570.495
...
NK093	11/11	Mua cát nền	331	142.000	35	4.970.000			35	4.970.000
XK084	11/11	Xuất bán cát nền	632	142.000			18	2.556.000	17	2.414.000
XK085	12/11	Xuất bán cát nền	632	142.000				17	2.414.000	
...
		Cộng số phát sinh			7.718	986.440.609	7.030	900.485.034		
		Số dư cuối kỳ							1.633	182.526.070

Ngày tháng năm 2016

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.7. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, CCDC

Đơn vị: CTY CP CHƯƠNG TRÌNH
Địa chỉ: 225 Lê Lợi - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên

Mẫu số S07 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP

Năm 2016

Tên vật liệu	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
Cát bê tông	m ³	1.258	289.020.742	2.600	794.764.196	3.822	1.072.166.772	36	11.618.166
...
Cát nền	m ³	945	96.570.495	7.718	986.440.609	7.030	900.485.034	1.633	182.526.070
...
Đá 2x4	m ³	454	85.348.628	2.042	413.380.249	2.341	466.091.843	155	32.637.034
...
Cộng				68.272	4.022.204.451	21.809	4.361.160.568		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.8. Phiếu xuất kho số

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 11 năm 2016

Nợ: 632

Số: XK084

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH một thành viên Kim Phong
- Địa chỉ (bộ phận): Số 244 Tầng 2 Trần Khánh Dư - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng Công ty TNHH một thành viên Kim Phong theo hóa đơn 0000118

-Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	D	1	2	3	4
1	Cát nền	m ³	18		142.000	2.556.000
2	Cát bê tông	m ³	16		404.000	6.464.000
3	Đá 1x2	m ³	29		205.277,8	5.953.056
	Cộng					14.973.056

-Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn không trăm lăm mươi sáu đồng

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày tháng năm 2016

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận
có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.9. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
06/11	PC126	06/11	Dịch vụ viễn thông tháng 10	6422	338.681	
				1331	33868	
				111		372549
...
11/11	PT054	11/11	Thu tiền bán cát, đá theo HĐ 0000118	111	16.885.000	
				511		15.350.000
				3331		1.535.000
11/11	XK084	11/11	Giá vốn bán cát, đá	632	14.973.056	
				156		14.973.056
...
18/11	HĐ 0000122	18/11	Doanh thu bán đá 1x2, cát trung hà, cát sông Hồng, cát bê tông	131		60.830.000
				511		55.300.000
				3331		5.530.000
18/11	XK087	18/11	Giá vốn bán cát, đá	632	52.731.214	
				156		52.731.214
...
27/11	UNC024	27/11	Phí SMS	6422	55.000	
				1121		55.000
...
Cộng phát sinh					56.234.988.668	56.234.988.668

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.10. Sổ cái TK 632

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: TK 632

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
11/11	XK084	11/11	Giá vốn bán cát, đá	156	14.973.056	
...
15/11	XK086	15/11	Giá vốn bán đá hộc	156	105.610.000	
...
18/11	XK087	18/11	Giá vốn bán cát, đá	156	52.731.214	
...
21/11	XK089	21/11	Giá vốn bán đá 1x2, cát trung hà, cát sông hồng, cát bê tông	156	53.340.522	
...
27/11	XK093	27/11	Giá vốn bán cát vàng, cát xây trát, đá 1x2, đá 4x6	156	13.843.444	
...
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	911		4.361.160.568
			Số phát sinh năm		4.361.160.568	4.361.160.568
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

2.3.3. Kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

2.3.3.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu chi.
- Phiếu kế toán.
- Bảng tính lương.
- Hóa đơn GTGT.

2.3.3.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

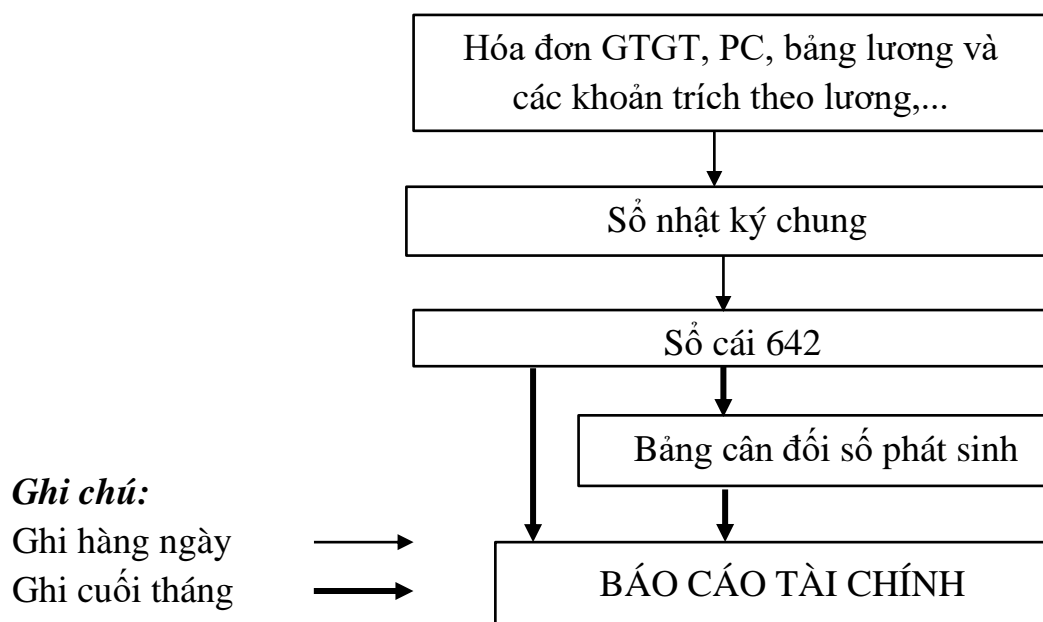
- TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh
 - + TK 6421 - Chi phí bán hàng.
 - + TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.3.3.3. Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Sổ cái 642

2.3.3.4. Quy trình hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại công ty

Quy trình hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại công ty

2.3.3.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2: Ngày 06/11/2016 Công ty thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 10, số tiền 915.300 đ (chưa thuế GTGT 10%).

Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình như sau:

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu 2.11) viết phiếu chi (Biểu 2.12). Sau đó, kế toán tiến hành hạch toán các nghiệp vụ đó vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.13) và sổ cái (Biểu 2.14).

Biểu 2.11. Hóa đơn GTGT số 0953749

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)		Mẫu số: 01GTKT3/001															
Liên 2: Giao cho người bán		Ký hiệu: AA/11P															
Ngày 06 tháng 11 năm 2016		Số: 0953749															
Đơn vị bán hàng: Trung tâm kinh doanh VNPT-Quảng Ninh-Chi nhánh tổng công ty dịch vụ viễn thông																	
Mã số thuế: 0106869738-053																	
Địa chỉ: Số 1 đường 25/4, Phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh																	
Họ khách hàng (Customer's name): Công ty cổ phần Chương Trình																	
Địa chỉ (Address): Số 225 Lê Lợi - P.Quảng Yên - TX Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh																	
Số thuê bao (Subscriber Number): 3875332		Mã số (Code): 1300875332-131000003															
Hình thức thanh toán(Kind of Payment): TM		MST: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>5</td><td>7</td><td>0</td><td>0</td><td>8</td><td>6</td><td>0</td><td>6</td><td>9</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		5	7	0	0	8	6	0	6	9	8				
5	7	0	0	8	6	0	6	9	8								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
1	2	3	4	5	6=4x5												
1	Dịch vụ viễn thông tháng 10/2016				915.300												
Cộng tiền dịch vụ (Total)(1):					915.300												
Thuế suất GTGT (VATrate): 10% x (1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount)(2):					91.530												
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total)(1+2):					1.006.830												

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng

Singnature Valid Ký bởi: Trung tâm kinh doanh VNPT-Quảng Ninh-Chi nhánh tổng công ty dịch vụ viễn thông Ký ngày: 06/11/2016

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.13. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
06/02	PC015	06/02	Thanh toán tiền internet	6422	150.000	
				1331	15.000	
				111		165.000
...
06/03	PC029	06/03	Thanh toán tiền điện thoại cố định	6422	94.494	
				1331	9.449	103.943
				111		
...
11/11	XK084	11/11	Giá vốn bán cát, đá	632	14.973.056	
				156		14.973.056
...
06/11	PC128	06/11	Dịch vụ viễn thông tháng 10	6422	915.300	
				1331	91.530	
				111		1.006.830
18/11	XK087	18/11	Giá vốn bán cát, đá	632	52.731.214	
				156		52.731.214
...
27/11	UNC024	27/11	Phí SMS	6422	55.000	
				1121		55.000
...
			Cộng phát sinh		56.234.988.668	56.234.988.668

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.14. Sổ cái TK 642

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: TK 642

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
06/02	PC015	06/02	Thanh toán tiền internet	111	150.000	
...
06/03	PC029	06/03	Thanh toán tiền điện thoại cố định	111	94.494	
...
06/11	PC128	06/11	Thanh toán tiền dịch vụ viễn thông tháng 10	111	915.300	
...
27/11	UNC024	27/11	Phí SMS	1121	55.000	
...
30/11	PC135	30/11	Tiền lương tháng 11	334	15.866.000	
...
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển CPQLKD	911		1.569.122.620
			Số phát sinh năm		1.569.122.620	1.569.122.620
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Năm 2016 tại công ty Cổ phần Chương Trình không phát sinh chi phí hoạt động tài chính.

2.3.4.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

Giấy báo có của ngân hàng

2.3.4.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Đề hạch toán doanh thu hoạt động tài chính công ty sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

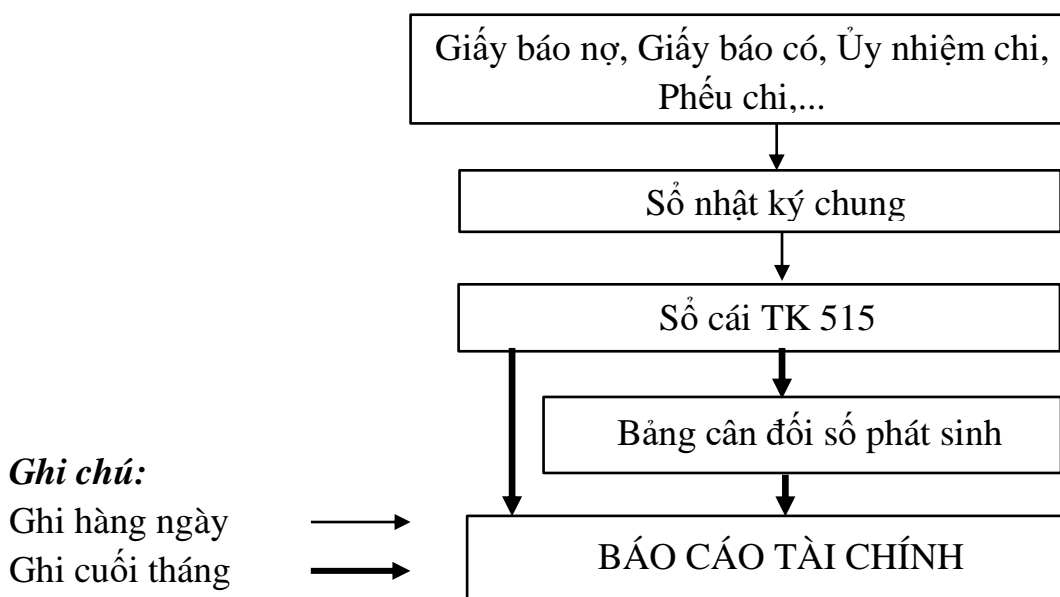
2.3.4.3 Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 515

2.3.4.4. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được mô tả theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.6. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

2.3.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 25/11/2016 Công ty nhận lãi tiền gửi T11/2016 của ngân hàng NN & PT NT Việt Nam, số tiền 10.542

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty như sau:

Kế toán căn cứ vào Giấy báo có (Biểu 2.15) sau đó tiến hành lập Sổ nhật ký chung (Biểu 2.16), Sổ cái (Biểu 2.17) các tài khoản liên quan.

Biểu 2.15. Giấy báo có số 63

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Địa chỉ: Lý do: Lãi tiền gửi		Số: 063 Ngày: 25/11/2016 Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 8002211031878 Tại ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Quảng Ninh Số tiền: 10.542 Loại tiền: VND Số tiền bằng chữ: <i>Mười nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng chẵn</i>				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Ghi Nợ	Ghi Có
Lãi tiền gửi	10.542	10.542	1121	515

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.16. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
06/02	PC015	06/02	Thanh toán tiền internet	6422	150.000	
				1331	15.000	
				111		165.000
...
06/03	PC029	06/03	Thanh toán tiền điện thoại cố định	6422	94.494	
				1331	9.449	103.943
				111		
...
11/11	XK084	11/11	Giá vốn bán cát, đá	632	14.973.056	
				156		14.973.056
...
06/11	PC128	06/11	Dịch vụ viễn thông tháng 10	6422	915.300	
				1331	91.530	
				111		1.006.830
25/11	GBC063	25/11	Lãi tiền gửi	1121	10.542	
				515		10.542
...
27/11	UNC024	27/11	Phí SMS	6422	55.000	
				1121		55.000
...
			Cộng phát sinh		56.234.988.668	56.234.988.668

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên,

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.17. Sổ cái TK 515

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
25/10	GBC052	25/10	Lãi tiền gửi	1121		48.926
...
25/11	GBC063	25/11	Lãi tiền gửi	1121		10.542
...
25/12	GBC066	25/12	Lãi tiền gửi	1121		11.438
...
31/12	GBC074	31/12	Lãi tiền gửi	1121		9.780
...
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển DTHĐTC	911	438.600	
			Số phát sinh năm		438.600	438.600
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

2.3.5.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu kế toán

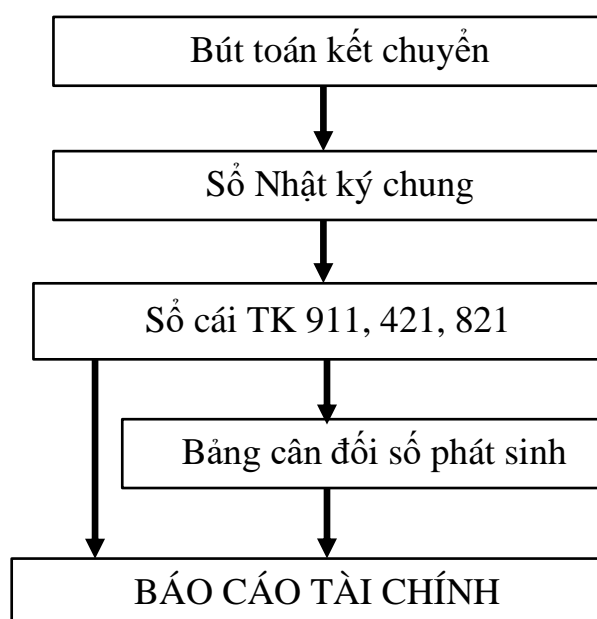
2.3.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế TNDN
- TK421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.3.5.3. Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK liên quan như: Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 515, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 911

2.3.5.4. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty



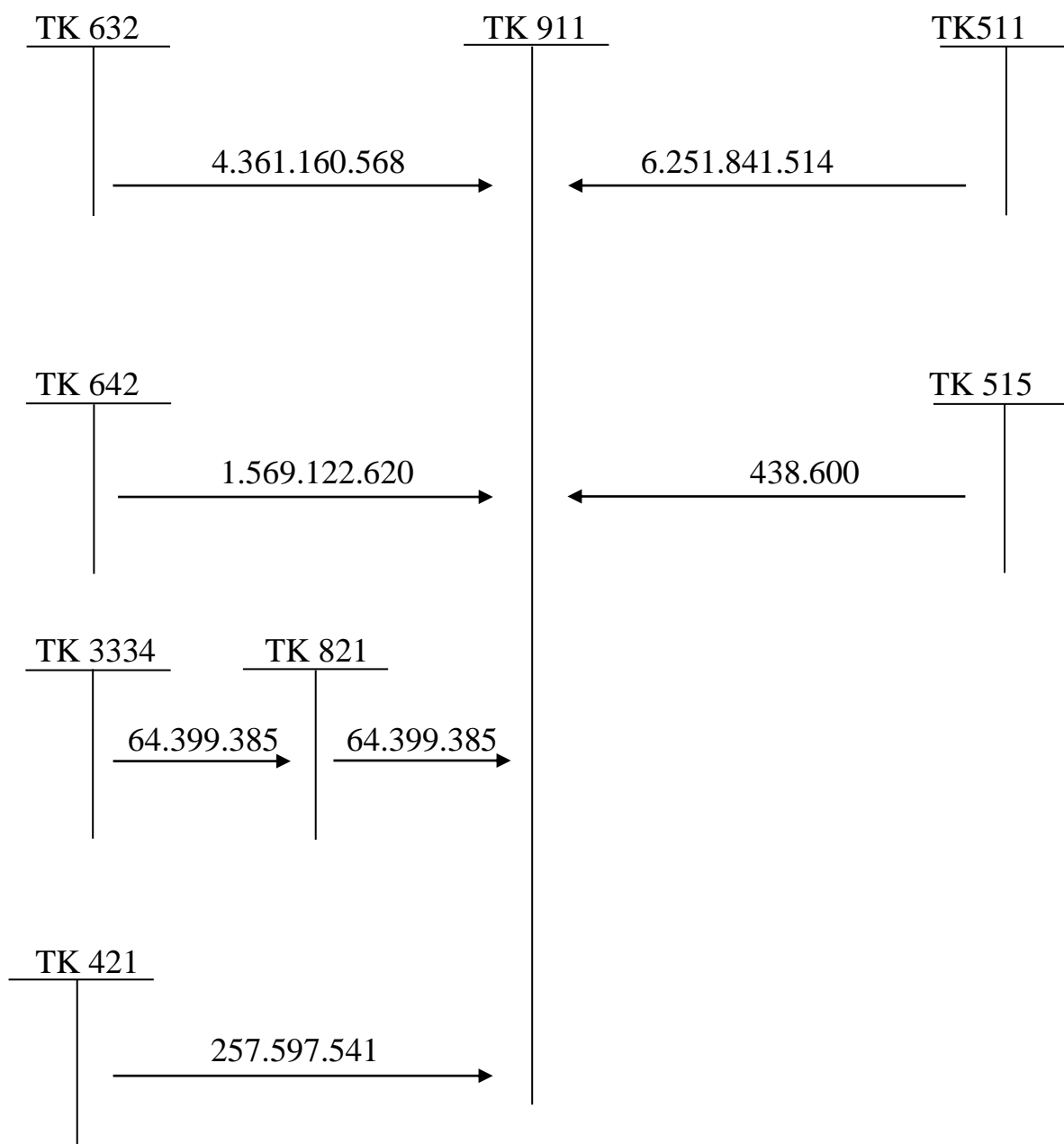
Ghi chú:

Ghi cuối kỳ →

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

2.3.5.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ: Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2016.



Sơ đồ 2.8. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Chương trình năm 2016

Biểu 2.18. Phiếu kế toán số 125

Đơn vị: CÔNG TY CP CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 125

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Cuối năm kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	6.251.841.514			
2	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	438.600			
	Cộng			6.252.280.114			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.19. Phiếu kế toán số 126

Đơn vị: CÔNG TY CP CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 126

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	4.361.160.568			
2	Cuối năm kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	911	1.569.122.620			
	Cộng			5.930.283.188			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.20. Phiếu kế toán số 127

Đơn vị: CÔNG TY CP CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 127

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Thuế TNDN	821	3334	321.996.926			
	Cộng			321.996.926			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.21. Phiếu kế toán số 128

Đơn vị: CÔNG TY CP CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 127

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK nợ	TK có	Số tiền
1	Chi phí thuế TNDN	911	821	64.399.385			
2	Cuối năm kết lãi hoạt động kinh doanh	911	421	257.597.541			
	Cộng			321.996.926			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu 2.22. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
06/02	PC015	06/02	Thanh toán tiền internet	6422	150.000	
				1331	15.000	
				111		165.000
...
06/03	PC029	06/03	Thanh toán tiền điện thoại cố định	6422	94.494	
				1331	9.449	103.943
				111		
...
11/11	XK084	11/11	Giá vốn bán cát, đá	632	14.973.056	
				156		14.973.056
...
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu bán hàng	511	6.251.841.514	
				515	438.600	
				911		6.252.280.114
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí	632		4.361.160.568
				642		1.569.122.620
				911	5.930.283.188	
31/12	PKT127	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	64.399.385	
				821		64.399.385
31/12	PKT127	31/12	Cuối năm kết chuyển lãi hoạt động kinh doanh	911	257.597.541	
				421		257.597.541
			Cộng phát sinh		56.234.988.668	56.234.988.668

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.23. Sổ cái TK 911

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu bán hàng	511		6.251.841.514
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển DTHĐTC	515		438.600
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển GVHB	632	4.361.160.568	
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí kinh doanh	642	1.569.122.620	
31/12	PKT127	31/12	Cuối năm kết chuyển CP thuế TNDN	821	64.399.385	
31/12	PKT127	31/12	Cuối năm kết chuyển lãi HĐKD	421	257.597.541	
			Số phát sinh năm		6.252.280.114	6.252.280.114
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 2.23. Sổ cái TK 421

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			236.456.357
			Số phát sinh			
31/12	PKT127	31/12	Cuối năm kết chuyển lãi HĐKD	911		257.597.541
			Số phát sinh năm			257.597.541
			Số dư cuối kỳ			494.053.898

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ của Nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Hiện nay trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên công tác kế toán tại công ty vẫn chưa hoàn toàn hợp lý.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về công tác kế toán nói chung

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ. Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học, hợp lý, đội ngũ cán bộ kế toán là người có kinh nghiệm, chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc.

Về trình tự hạch toán: Kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp, nhanh chóng, chính xác, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đúng đắn, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của công ty. Quy định mở và ghi chép trên Sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tương đối chặt chẽ và khoa học, đã kết hợp rộng rãi việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Công ty luôn chấp hành đúng chính sách, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế, tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của Doanh thu, chi phí.

Tổ chức công tác hạch toán ban đầu: Các chứng từ được lập tại công ty đều phù hợp với yêu cầu kinh tế phát sinh và yêu cầu pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên có liên quan, và một số sử dụng theo đúng mẫu quy định của BTC ban hành theo

quyết định QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC. Trước khi đưa vào lưu trữ tất cả các chứng từ được sắp xếp, phân loại và hệ thống theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo thứ tự thời gian. Với hệ thống chứng từ như vậy, đã giúp cho quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho việc ghi sổ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

❖ *Về công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh*

- Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn theo hoạt động của Công ty.

- Về việc xác định giá vốn hàng bán: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn phù hợp với loại hình kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề quan trọng mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Chương Trình vẫn còn những tồn tại cần khắc phục.

****Công ty chưa mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.***

Hiện nay, để hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, công ty mới chỉ sử dụng sổ cái TK511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này. Như vậy sẽ không cung cấp thông tin cho nhà

quản trị một cách cụ thể và đầy đủ để phục vụ cho công tác quản lý giúp ban quản trị đưa ra quyết định đúng đắn.

****Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán.***

Hàng ngày, Công ty phải xử lý số liệu hóa đơn, chứng từ rất nhiều, các mặt hàng rất phong phú, có nhiều mã hàng nên việc quản lý rất khó khăn đặc biệt là khi công ty chưa có phần mềm kế toán mà mới chỉ sử dụng phần mềm Excel cũng như ghi chép thủ công các nghiệp vụ phát sinh, điều đó dẫn đến việc lặp lại chứng từ các nghiệp vụ dễ xảy ra hơn, khó quản lý hơn và phải phụ thuộc rất nhiều đến trình độ tay nghề cũng như năng lực của kế toán viên. Vì vậy mà công ty vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp vì nó có vai trò rất quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, hiệu quả hay không hiệu quả. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ, lãnh đạo điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế

toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

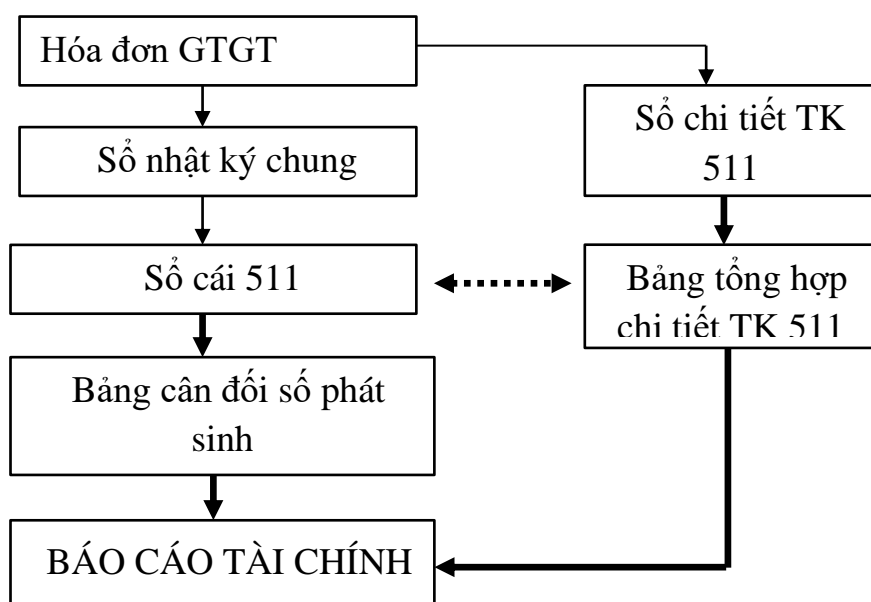
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em xin được nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.3.1. Ý kiến 1: Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

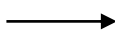
Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 511, 632 cho từng loại sản phẩm, hàng hóa để có thể xác định được lợi nhuận cụ thể cho từng mặt hàng, giúp cung cấp thông tin chính xác cho ban quản trị có thể đưa ra chính sách hợp lý, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ sản phẩm, làm tăng thu nhập trong kỳ.

Như vậy, quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng của công ty như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán về kế toán doanh thu bán hàng

Ví dụ minh họa:

Tiếp tục ví dụ 1 trang 37 chương 2.

Biểu số 3.1. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

Mẫu số: S17 - DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Cát nền

Năm 2016

NT ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	DOANH THU			CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	
	Số hiệu	NT			SL	Đơn giá	TT	Thuế	Khác(5212,5213)
A	B	C	D	E	1	2		3	4
...
12/10	HĐ 0000106	12/10	Bán cát nền cho Công ty CP XD Thanh Bình	111	90	142.000	12.780.000		
...
11/11	HĐ 0000118	11/11	Bán cát nền cho công ty TNHH một thành viên Kim Phong	111	18	150.000	2.700.000		
...
			Cộng số phát sinh		7.030		996.584.000		

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 3.2. Sổ chi tiết giá vốn bán hàng

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN BÁN HÀNG

Tên tài khoản: Giá vốn bán cát nền

Năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Đơn giá	Giá vốn	
	Số hiệu	NT				Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh				
...
12/10	HĐ 0000106	12/10	Giá vốn bán cát nền	156	128.956	90	11.606.040
...
11/11	HĐ 0000118	11/11	Giá vốn bán cát nền	156	142.000	18	2.556.000
...
			Số phát sinh			7.030	900.485.034

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Biểu số 3.3. Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG TRÌNH

Địa chỉ: 225 Lê Lợi - TX Quảng Yên - QN

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm 2016

Đơn giá tính: VNĐ

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Doanh thu	Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp	Tỷ suất lợi nhuận gộp
1	Cát bê tông	m ³	3.822	1.561.380.000	-	1.561.380.000	1.072.166.772	489.213.228	31.33%
2	Cát trung hà	m ³	458	30.250.000	-	30.250.000	29.566.000	684.000	2.26%
3	Cát vàng	m ³	525,5	203.957.060	-	203.957.060	199.977.500	3.979.560	1.95%
4	Cát sông Hồng	m ³	1.690	311.429.000	-	311.429.000	300.583.000	10.846.000	3.48%
5	Cát nền	m ³	7.030	996.584.000	-	996.584.000	900.485.034	96.098.966	9.46%
6	Đá 1x2	m ³	1.097	221.233.870	-	221.233.870	212.548.600	8.685.270	3.93%
7	Đá 4x6	m ³	411,7	59.702.708	-	59.702.708	57.636.500	2.066.208	3.46%
...	-	
Cộng				6.251.841.514	-	6.251.841.514	4.361.160.568	1.890.680.946	

Ngày 30 tháng 11 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình)

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632: Giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được doanh thu của mặt hàng nào có hiệu quả hơn, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào và nên giảm doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào. Ban quản trị sẽ xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

Ví dụ: Từ việc lập sổ chi tiết bán hàng (Biểu 3.1) và sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Bảng 3.2) ta sẽ lập được bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (Biểu 3.3). Thông qua bảng tổng hợp chi tiết bán hàng như trên ta thấy được mặt hàng nào có lãi hơn và từ đó kiểm soát được chi phí hiệu quả cho từng mặt hàng thông qua tỷ suất lợi nhuận gộp. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận gộp thể hiện khoảng chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ suất lợi nhuận gộp được tính bằng cách lấy tổng lợi nhuận gộp chia cho doanh thu:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận gộp (\%)} = \text{Lợi nhuận gộp} / \text{Doanh thu}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Chỉ số này cho biết mỗi đồng doanh thu về tạo ra được bao nhiêu đồng thu nhập. Thông qua biểu 3.3 ta thấy Cát nền (9.46%), Cát bê tông (31.33%) có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn chứng tỏ có lãi hơn và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn so với Cát trung hà (2.26%), Cát vàng (1.95%), Cát sông Hồng (3.48%), Đá 1x2 (3.93%), Đá 4x6 (3.46%)

Chỉ đơn thuần nhìn vào thu nhập của một mặt hàng sẽ không thể nắm bắt hết toàn bộ thông tin về mặt hàng đó. Thu nhập tăng là dấu hiệu tốt nhưng điều đó không có nghĩa là tỷ suất lợi nhuận gộp đang được cải thiện.

Ví dụ nếu một mặt hàng có tốc độ tăng chi phí cao hơn so với doanh thu, tỷ suất lợi nhuận gộp của mặt hàng đó sẽ giảm. Điều này có nghĩa là cần kiểm soát tốt chi phí mặt hàng đó. Vậy nên khi tăng lợi nhuận gộp thì đồng thời cũng phải tìm cách làm tăng tỷ suất lợi nhuận gộp theo tỷ lệ tương ứng.

Như vậy, lợi nhuận của các mặt hàng sẽ là yếu tố cấu thành lên lợi nhuận của toàn doanh nghiệp. Ta cần quản lý chặt chẽ chi phí của từng mặt hàng đó ngay từ ban đầu.

Tạo tiền và nắm giữ tiền là một trong những mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào khả năng thanh khoản và hiệu

quả kinh doanh bởi các yếu tố này sẽ quyết định đến khả năng trả cổ tức cho các nhà đầu tư. Chính vì thế nhà đầu tư cần phải phân tích khả năng sinh lợi (profitability) của một doanh nghiệp dưới nhiều góc độ, bao gồm cả hiệu quả sử dụng các nguồn lực và lượng thu nhập tạo ra từ hoạt động của doanh nghiệp. Tính toán tỷ suất lợi nhuận gộp của một doanh nghiệp là một việc làm thiết thực để có được cái nhìn thấu đáo về doanh nghiệp.

3.2.3.2. Ý kiến 2: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.

Công ty nên áp dụng và trang bị phần mềm kế toán cho đội ngũ kế toán, để xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giảm bớt khối lượng công việc cũng như về mặt nhân sự mà có được độ chính xác và hiệu quả cao.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán nhưng phần mềm kế toán Misa, Fast, LinhkQ là ba phần mềm kế toán thông dụng và được kế toán tin dùng nhiều nhất. Nhưng với công ty vừa và nhỏ lại đa dạng mặt hàng kinh doanh như Công ty Cổ phần Chương Trình thì em nghĩ công ty nên dùng phần mềm Misa.

- Phần mềm kế toán Misa: Là giải pháp linh hoạt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

và được áp dụng trong các trường hợp sau:

Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại đơn giản, và mức độ quản lý không quá phức tạp, doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức tương đối, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu nhiều hóa đơn một phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

Về điểm nổi trội của Misa là chức năng lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng, và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu SQL và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất chính xác.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA.MSE.2016



* Với quy mô của Công ty Cổ phần Chương Trình như hiện nay thì nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 – đây là phần mềm kế toán mới được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ. Em xin giới thiệu Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2017 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Cập nhật chế độ tài chính mới nhất.
- Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho Doanh nghiệp sản xuất: Giản đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.
- Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN.

- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.

- Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.

- Phân hệ bán hàng cho phép người sử dụng theo dõi, hạch toán và quản lý các chứng từ liên quan đến bán hàng, thành phẩm, dịch vụ. Chức năng sổ chi tiết bán hàng cũng rất hữu ích, tiện lợi cho phép người dùng xem được tất cả các sổ chi tiết của từng mặt hàng từ đó việc quản lý các mặt hàng dễ dàng hơn.

- Về phân hệ kho giúp người dùng khai báo danh mục kho vật tư hàng hóa, CCDC tại doanh nghiệp để theo dõi quản lý vật tư hàng hóa, CCDC theo từng kho.

- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn.

- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình” đã giải quyết một số vấn đề sau:

➤ Về mặt lý luận:

- Đưa ra được những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác

định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đưa ra được những lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

➤ Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.

- Đề tài đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

- Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chương Trình.

Do thời gian thực tập có hạn, vốn kiến thức khoa học còn hạn hẹp, nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của các thầy cô, ban giám đốc cùng các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của ThS. Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán ở phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Chương Trình đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Sinh viên

Đoàn Thị Hương Lan

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS. Võ Văn Công.
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
6. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi.
7. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS.TS Ngô Thế Chi.
8. Tài liệu tham khảo tại phòng kế toán Công ty Cổ phần Chương Trình.